



## Mục lục

3 \*\*\*:

94 năm Đảng ta tạo dựng cơ đồ đất nước

8 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Luận giải sâu sắc thêm cơ sở khoa học, những vấn đề mang tính quy luật của chủ trương xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

16 NGUYỄN VĂN PHONG:

Phát triển văn hóa, con người trên địa bàn Thủ đô trong gần 40 năm đổi mới - thực trạng, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra

29 ĐẶNG NGUYỄN ANH:

Kết quả thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII và đề xuất định hướng, giải pháp cho giai đoạn tới

**44 HỒ SĨ QUÝ:**

**Vài cảm nhận về sức mạnh mềm Việt Nam**

---

**51 ĐOÀN XUÂN THỦY:**

**Một số vấn đề đặt ra về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta qua 40 năm đổi mới**

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**61 PV:**

**Dự báo thời cơ, thách thức và một số kiến nghị giải pháp nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế**

---

## 94 NĂM ĐẢNG TA TẠO DỰNG CƠ ĐỒ ĐẤT NƯỚC

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ được cơ đồ, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”. Nhân kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, chúng ta cùng tìm hiểu về việc tạo dựng, bảo vệ cơ đồ đất nước và sự lớn lao, tươi sáng của cơ đồ đất nước hiện nay.

Cơ đồ đất nước là thành quả của những sự nghiệp, những mục tiêu, lý

tưởng lớn lao với những giá trị bền vững và ngày càng gia tăng về vật chất và tinh thần của đất nước, là giang sơn gấm vóc, là lãnh thổ toàn vẹn và độc lập, là một đất nước hùng cường, chế độ xã hội tốt đẹp, đời sống nhân dân ấm no, tự do, hạnh phúc. Trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc, ông cha ta đã mở mang bờ cõi, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; vừa từng bước tạo dựng cơ đồ đất nước, vừa kiên quyết đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chiến thắng nhiều đế quốc hung hãn, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và độc lập dân tộc. Nhưng khi thực dân Pháp xâm lược, triều đình nhà Nguyễn đã không giữ được cơ đồ. Phát huy truyền thống yêu nước, các tầng lớp nhân dân ta đã liên tiếp vùng lên chống giặc nhưng tất cả đều bị chìm trong máu lửa. Sự đô hộ của thực dân Pháp gắn một thế kỷ đã chứng tỏ cả giai cấp phong kiến và đại diện cho các thế lực tư sản đã hết vai trò lịch sử, vận mệnh của dân tộc và cơ đồ của đất



nước lâm vào tình thế bế tắc, không có đường ra. Vấn đề bức thiết đặt ra là bằng con đường nào, cách thức nào, tổ chức lực lượng thế nào để đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc và đưa đất nước phát triển.

Vấn đề vô cùng bức thiết này đã có lời giải. Nguyễn Ái Quốc sau này là Hồ Chí Minh, trong suốt 30 năm đi tìm đường cứu nước, Người đã nhận rõ con đường giành độc lập dân tộc phải là con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã gieo hạt, gây mầm và tạo dựng sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê

nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành một sự kiện trọng đại: Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã được dân tộc giao phó kiến tạo và phát triển cơ đồ đất nước trong điều kiện mới. Lịch sử 94 năm của Đảng là hành trình thực hiện nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp nhưng rất đổi vinh quang đó. Những chặng đường đã qua của cách mạng Việt Nam ghi đậm những thành công tuyệt vời của Đảng ta trong việc lãnh đạo dân tộc ta, nhân dân ta xây dựng

cơ đồ đất nước. Điều đó thể hiện trên những nội dung chính yếu:

Thứ nhất, Đảng xác định và lãnh đạo nhân dân thực hiện mục tiêu lý tưởng của sự nghiệp cách mạng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vừa ra đời, Đảng ta đã xác định: Chủ trương tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Chủ trương đó của Đảng được nhân dân đồng tình cao và trở thành lẽ đương nhiên; chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu lựa chọn mà là xung lực thúc đẩy lịch sử Việt Nam chuyển mình, là con đường để dân tộc Việt Nam tạo dựng cơ đồ đất nước ngày càng bền vững. Mục tiêu lý tưởng và sự lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, xét về logic là một tất yếu khách quan; xét về lịch sử là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu và xu thế của thời đại. Đó là hệ giá trị cơ bản nhất cho đất nước Việt Nam vừa qua, hôm nay và mai sau, là con đường duy nhất để kiến tạo và phát triển cơ đồ đất nước.

Thứ hai, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành lại giang sơn cho đất nước, độc lập, tự do cho dân tộc, tạo tiền đề quan trọng nhất để tạo dựng cơ

đồ đất nước. Nhận thức và hành động theo sự lựa chọn con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ của Đảng, toàn thể nhân dân ta chung sức, chung lòng tiến hành cuộc cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức và đã giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nước ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954; là chiến thắng đế quốc Mỹ và bè lũ Ngụy quyền tay sai mà đỉnh cao là đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; là chiến thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền tảng trọng yếu của cơ đồ đất nước. Quan niệm của Đảng ta về nội dung nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được hình thành trên cơ sở tổng kết hoạt động thực tiễn và

nâng tầm lý luận. “Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ tổng thể của toàn Đảng, Nhà nước và toàn dân ta nhằm đưa nước ta thành nước tiên tiến với mục tiêu cao cả: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc sống trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và cùng phát triển; có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Đảng Cộng sản Việt Nam tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc tạo dựng cơ đồ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tỏ rõ tính độc lập, tự chủ trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ đất nước, làm chủ xã

hội; đất nước ta có những bước phát triển mới, vững chắc.

Bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là việc Đảng ta phát động và lãnh đạo tổ chức thực hiện sự nghiệp đổi mới, tạo ra bước đột phá lớn và toàn diện, làm xoay chuyển tình hình đưa đất nước tiến lên. Chính đổi mới đã đưa đất nước ta từ chỗ thiếu thốn, hàng năm phải nhập lương thực để đảm bảo mức sống tối thiểu, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng nhất nhì thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi người lại có những nét mới mẻ, tươi vui và sinh động như hôm nay. Đổi mới đã đem đến một sức sống mới cho đất nước, tiếp sức và nâng bước cho đôi chân chúng ta trên con đường hạnh phúc. Sau hơn 35 năm đổi mới, “đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và

tin thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước”.

Rõ ràng, chặng đường từ khi có Đảng là chặng đường rất đổi vinh quang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng cơ đồ đất nước. Thực tế đã chứng tỏ con đường cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hết sức đúng đắn, sáng tạo. Và hiện nay đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xây, lãnh đạo, tổ chức thực hiện rất phù hợp với nhịp bước của thời đại. Đổi

mới và hội nhập quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược thiện hiện mục tiêu chung phát triển cơ đồ đất nước. Thành công của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi rõ rệt diện mạo của đất nước, tăng cường xung lực cho đời sống xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ta. Cơ đồ đất nước ngày càng lớn mạnh, vững chắc tạo phong độ mới, thế mới, lực mới để Việt Nam vươn tầm, có đủ sức lực và trí tuệ để sánh vai cùng bạn bè thế giới. Đất nước ta ngày càng phát triển, cơ đồ đất nước chưa bao giờ có được như hiện nay. Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng cơ đồ đất nước ngày càng vững chắc hơn, tươi sáng hơn với mục tiêu cao đẹp: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

**LÝ LUẬN & THỰC TIỄN**

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.25-26.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

<sup>3</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr,103-104.

# LUẬN GIẢI SÂU SẮC THÊM CƠ SỞ KHOA HỌC, NHỮNG VẤN ĐỀ MANG TÍNH QUY LUẬT CỦA CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI TINH, GỌN, MẠNH

*Phát biểu của đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tại Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh: Giá trị, ý nghĩa và định hướng”.*

Hội thảo “Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh: Giá trị, ý nghĩa và định hướng” là sự kiện khoa học - chính trị quan trọng, rất có ý nghĩa nhằm góp phần quán triệt, tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8, Khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đặc biệt, hội thảo còn là dịp để các đồng chí trong quân đội chia sẻ, trao đổi những vấn đề lý luận và thực tiễn mới về đường lối quân sự, quốc phòng và chiến lược bảo vệ Tổ quốc; thiết thực tham gia vào việc tổng kết

40 năm Đổi mới và xây dựng dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

Thay mặt Ban chỉ đạo Tổng kết 40 năm Đổi mới và Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương, tôi xin gửi đến các đồng chí lãnh đạo Bộ Quốc phòng, các tướng lĩnh, sỹ quan quân đội, các quý vị tham dự hội thảo lời chào và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và nhiều thắng lợi mới.

Từ ngày thành lập đến nay, trải qua gần 80 năm xây dựng và phát triển, thường xuyên “rèn cán, chỉnh quân”, bền bỉ, kiên cường, trong quá trình đấu tranh cách mạng, chiến đấu, công



tác và lao động sản xuất, quân đội ta đã liên tục trưởng thành và không ngừng lớn mạnh.

Từ tổ chức tiền thân là *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, ngay từ những ngày đầu thành lập, quân đội ta đã kể vai, sát cánh cùng với toàn dân ta vùng dậy, khởi nghĩa giành chính quyền; bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng non trẻ. Chiến đấu và trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, từ một đội quân chỉ bắt đầu với 34 chiến sỹ, quân đội ta đã phát triển với tên gọi rất đỗi tự hào: Quân đội nhân dân Việt Nam; là quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến

đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng; từng bước trở thành một quân đội chính quy, vững mạnh, có đủ các trung đoàn, sư đoàn bộ binh mạnh, các binh chủng, lực lượng, các quân đoàn và tương đương; liên tục giành được

những thắng lợi vẻ vang, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; tiếp tục bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ quốc tế cao cả.

**Hội thảo “Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh: Giá trị, ý nghĩa và định hướng” là sự kiện khoa học - chính trị quan trọng, rất có ý nghĩa nhằm góp phần quán triệt, tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8, Khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.**

Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng về kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nền quốc phòng toàn dân mang đặc trưng hoà bình và tự vệ; quân đội ta đã có những bước

điều chỉnh lớn về tư duy chiến lược; đổi mới và kiện toàn tổ chức, biên chế lại lực lượng; hiện đại hoá, tinh nhuệ hoá các quân binh chủng; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh

thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động, kiên trì và kiên quyết ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước; đóng góp cho hòa bình và phát triển của thế giới.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Đảng ta về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân qua các kỳ Đại hội, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra chủ trương *xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh*, thể hiện quan điểm mới, mang tính đột phá và tầm nhìn chiến lược sâu sắc, toàn diện về xây dựng lực lượng vũ trang nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh; xuất phát từ thế và lực mới của đất nước, phù hợp với bối cảnh quốc tế, khu vực thay đổi nhanh chóng; để quân đội ta tiếp tục hoàn thành thật tốt chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất trong sự

nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Như các đồng chí đã biết, về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh, đồng chí Tổng Bí thư,

Bí thư quân uỷ Trung ương Nguyễn Phú Trọng đã nêu ra những vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng, có những chỉ đạo rất sâu sắc, toàn diện thể hiện tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của người đứng đầu Đảng ta trong cuốn sách *“Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới”* của đồng chí đã được giới thiệu

**Kế thừa và phát triển tư tưởng của Đảng ta về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân qua các kỳ Đại hội, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra chủ trương xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, thể hiện quan điểm mới, mang tính đột phá và tầm nhìn chiến lược sâu sắc, toàn diện về xây dựng lực lượng vũ trang nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh.**

tại Hội trường Bộ Quốc phòng vào giữa tháng 7-2023.

Mới đây, đồng chí Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ra mắt

cuốn sách: “*Phát huy truyền thống anh hùng, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh, hiện đại trong thời kỳ mới*” là tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn cao, truyền tải những thông điệp, quan điểm, tư tưởng, sự chỉ đạo, định hướng của Quân ủy Trung ương và của đồng chí Bộ trưởng đến cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân nhằm nghiên cứu, quán triệt, vận dụng vào thực tiễn xây dựng quân đội trong tình hình mới.

Trong thời gian qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả chủ trương xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh với kế hoạch tổng thể, đồng bộ, có sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ trong toàn quân; phương pháp tiến hành bài bản, khoa học; lộ trình, bước đi phù hợp, cụ thể; đạt được nhiều kết quả rất tích cực, nổi bật trên các mặt sau:

(1)- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng cho cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng, chiến sĩ và nhân dân các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, kế hoạch của Bộ Quốc phòng;

kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác chính sách, để bảo đảm nhận thức đúng, đầy đủ, thống nhất trong và ngoài quân đội về chủ trương xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh; quyết tâm cao độ thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quân đội lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025) đã đề ra là: đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc điều chỉnh tổ chức biên chế; đến năm 2030, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại, phấn đấu từ năm 2030 xây dựng quân đội cách mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

(2)- Điều chỉnh, sắp xếp lại về mặt cơ cấu tổ chức quân đội bảo đảm sự cân đối, đồng bộ; phân bổ quân số hợp lý giữa các thành phần, lực lượng theo hướng biên chế gọn, chuyên môn hoá, chất lượng cao, sức cơ động và chiến đấu cao, phù hợp với đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh thực hiện chủ trương xây dựng thể trận lòng dân, thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc từ cơ sở. Đặc biệt, trong năm 2023 vừa qua, toàn quân đã tập trung triển khai

chủ đề “Năm điều chỉnh tổ chức lực lượng”, trong đó tập trung vào việc tiếp tục điều chỉnh tổ chức biên chế theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, giáo dục và đào tạo; tăng cường xây dựng chính quy, chấp hành nghiêm kỷ luật, pháp luật và đẩy mạnh cải cách hành chính quân sự.

(3)- Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp quốc phòng theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần phát triển kinh tế-xã hội; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện tác chiến điện tử, tác chiến thông minh; ưu tiên xây dựng một số quân, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại; nhằm nâng cao sức mạnh, hiệu suất chiến đấu, khả năng “tự chủ chiến lược” về vũ khí, trang bị, đủ năng lực đối phó với các hình thức chiến tranh mới, không để bị động, lệ thuộc, bất ngờ trong mọi tình huống.

(4)- Đột phá phát triển nguồn nhân lực trong quân đội, coi đây là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh. Trong

đó, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài gắn với đổi mới công tác huấn luyện - đào tạo trong toàn quân; đề ra và triển khai thực hiện những nguyên tắc, phương châm nổi bật, như: “Tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo”, “Cơ bản, thiết thực, vững chắc”; gắn đào tạo cán bộ, chiến sỹ với lộ trình hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật; gắn đào tạo ở nhà trường với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở đơn vị; gắn lý luận của nhà trường với thực tiễn trên chiến trường.

Tình hình thế giới trong thời gian tới tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn diễn ra rất quyết liệt. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ diễn ra dưới nhiều hình thức mới, gắn với ứng dụng các công nghệ hiện đại. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên phức tạp hơn. Các thế lực thù địch, phản động không ngừng chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội ta bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi. Bối cảnh quốc tế và trong nước đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn và nặng

nề hơn đối với nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc; đòi hỏi nhiệm vụ này cần được tiến hành đồng bộ cùng với việc thực hiện các chiến lược trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội, con người và chấn hưng nền văn hoá Việt Nam; để thực hiện thắng lợi Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới như tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khoá XIII.

Tiếp tục phát huy những kết quả toàn diện nói trên, tại Hội thảo này, tôi xin được trao đổi thêm với các đồng chí về một số nội dung quan trọng trong việc xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh tiến lên hiện đại:

*Thứ nhất, chú trọng xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị.* Đây là nguyên tắc xuyên suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam; là nhân tố quyết định việc hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ của Quân đội trong thời chiến cũng như thời bình. Quân đội ta mạnh, trước hết là mạnh về chính trị; mạnh ở sự tuyệt đối trung thành với Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp

về mọi mặt của Đảng, vững vàng, kiên định trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mang bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới. Do đó, quân đội càng hiện đại, càng chuyên nghiệp, càng tinh gọn lại càng phải tiếp tục thực hiện thật tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng; đặc biệt, khắc phục những nhận thức chưa đúng, chủ động đấu tranh phòng, chống những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, kiên quyết phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc đòi “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch, phản động, các phân tử cơ hội chính trị.

*Thứ hai, kế thừa, kết hợp nhuần nhuyễn giá trị văn hoá, nghệ thuật quân sự truyền thống với việc tiếp thu có chọn lọc những học thuyết quân sự mới, xác lập các mô hình tổ chức quân đội hiện đại.* Trước hết là kế thừa, phát huy truyền thống hoà hiếu, nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình của dân tộc; thấu hiểu sâu sắc đạo lý: “dân là gốc”, “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, “đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”; phát

huy tư tưởng, nghệ thuật quân sự đã được hình thành, hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta về: “quốc phú, binh cường, nội yên, ngoại tĩnh”, “quân cốt tinh, không cốt nhiều”; khảng định phẩm chất quý báu: quân đội ta là “quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu”; vận dụng, thực hành sáng tạo nguyên tắc “đĩ bất biến, ứng vạn biến” trong cách ứng xử trước những biến động của tình hình thế giới. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Đại hội XIII và Kết luận của Hội nghị văn hoá toàn quốc năm 2021 để xây dựng văn hoá quân sự thật sự là nền tảng tinh thần của toàn quân và từng cán bộ, chiến sỹ; là nguồn lực và động lực to lớn để quân đội ta đạt được những bước phát triển toàn diện: *có sức mạnh, ý chí của đội quân chiến đấu*, xử lý thắng lợi mọi tình huống quốc phòng, an ninh, sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược, chiến thắng mọi kẻ thù; *có tinh thần gần dân, trọng dân, vì dân và nhiệt huyết của đội quân công tác* để giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân, luôn có mặt nơi tuyến đầu vào những thời

điểm khó khăn nhất, ở các địa bàn khó khăn nhất và khi nhân dân cần sự giúp đỡ nhất; *có sự chủ động, tích cực và đổi mới sáng tạo* của đội quân lao động sản xuất, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên mọi miền của đất nước.

(3)- *Gắn kết chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại*. Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của ngoại giao nói chung, đối ngoại quốc phòng nói riêng để tạo lập môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển; góp phần củng cố, nâng cao vị thế của quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế, lan tỏa hình ảnh và phẩm chất tốt đẹp của người chiến sỹ, sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ra thế giới. Tích cực hợp tác quốc tế về quân sự, quốc phòng nhằm tăng cường rèn luyện và có thêm nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động chiến đấu, tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ và gìn giữ hòa bình. Tăng cường công tác phân tích dự báo chiến lược, tình báo quân sự, phát hiện sớm những yếu tố bất lợi, những nguy cơ gây đột biến, vận dụng đúng đắn, linh hoạt quan điểm “đối tác, đối tượng”, thực hiện tốt phương châm “thêm bạn, bớt

thù”, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc trên hết và trước hết, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy.

Tôi đặc biệt đánh giá cao việc Hội thảo hôm nay đã nhận được sự quan tâm sâu sắc của Quân uỷ Trung ương, lãnh đạo Bộ Quốc Phòng, Tổng Cục Chính trị, các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, học viện, nhà trường trong toàn quân; sự tham gia tâm huyết và trách nhiệm của các đồng chí tướng lĩnh, các cán bộ nghiên cứu, nhà khoa học... của các Ban, Bộ, Ngành Trung ương. Để Hội thảo của chúng ta đạt chất lượng cao, đề nghị các đồng chí tập trung làm rõ hơn những vấn đề chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, phân tích, luận giải sâu sắc thêm cơ sở khoa học, những vấn đề mang tính quy luật của chủ trương xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề và cơ sở vững chắc để xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

*Thứ hai*, làm rõ hơn những vấn đề lý luận, thực tiễn đang đặt ra trong quá trình điều chỉnh tổ chức lực lượng Quân đội, nhất là việc giải thể, sáp nhập, thành lập các cơ quan, đơn vị

mới. Đặc biệt, từ thực tiễn ở các đơn vị, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, lực lượng, địa phương... chỉ ra các mô hình hay, cách làm sáng tạo, các bài học kinh nghiệm tốt có thể nhân rộng ra toàn quân.

*Thứ ba*, tập trung làm rõ những nội dung, giải pháp xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh; bảo đảm mọi hoạt động của Quân đội trên tất cả các lĩnh vực đều đạt hiệu quả cao; có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong thời bình và cả khi xảy ra chiến tranh.

Với sự tâm huyết và tinh thần trách nhiệm cao, tôi tin tưởng rằng, Hội thảo của chúng ta sẽ có những trao đổi thẳng thắn, sâu sắc, đề xuất, kiến nghị được những giải pháp sát hợp góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng Quân đội nhân dân làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nhân dịp xuân mới Giáp Thìn đang đến gần, một lần nữa xin chúc các đồng chí mạnh khoẻ, hạnh phúc, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước, Quân đội và Nhân dân tin tưởng giao phó ■

# PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ TRONG GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI - THỰC TRẠNG, KINH NGHIỆM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● TS NGUYỄN VĂN PHONG

*Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội*

Hà Nội có bề dày truyền thống ngàn năm văn hiến, anh hùng, hòa bình, hữu nghị và sáng tạo, Đảng bộ Thành phố luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm gương mẫu đi đầu trên các lĩnh vực, trong đó có nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Thủ đô tiêu biểu cho văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Đảng bộ Hà Nội luôn xác định, phát triển văn hóa là nền tảng để xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu trong quá trình hội nhập, phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô.

Trải qua gần 40 năm đổi mới, xây dựng và phát triển, Hà Nội đã trải qua

những cột mốc quan trọng trở thành trung tâm văn hóa lớn, là một trong hai trung tâm kinh tế trọng điểm của cả nước, đặc biệt trở thành trung tâm kết nối quan trọng của Vùng Đồng bằng Sông Hồng, là địa phương có vai trò quan trọng tạo nên động lực chính trong phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, là thành phố phát triển năng động, đầu mối giao thương quốc gia, có khả năng thích ứng cao, hướng tới phát triển cân bằng và bền vững. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, chính trị, văn hóa và nâng cao đời sống cho người dân Thủ đô, Đảng bộ Hà Nội xác định mục tiêu không chỉ phát triển nhanh về kinh tế mà còn



trở thành trung tâm về liên kết phát triển văn hóa, coi trọng phát triển văn hóa là động lực phát triển Hà Nội và cả vùng, trong đó Thủ đô Hà Nội là hạt nhân, trung tâm hội tụ, lan tỏa... Với truyền thống người Hà Nội hào hoa, con người Thành phố có lịch sử nghìn năm, tiếp tục xây dựng và giữ gìn, phát huy “*Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người*”, giữ vững danh hiệu “*Thành phố vì Hoà bình*”,...

Trong những năm qua, Đảng bộ Thành phố đã quán triệt, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực văn hóa vào thực tiễn của Thủ đô để đề ra các chủ trương, quyết sách lãnh đạo toàn diện, đúng đắn. Việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc từ Đề cương Văn hóa năm 1943 đến nay có nhiều chuyển biến tích cực. Điểm nhấn trọng tâm chính là sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy và nhận thức của các ngành, các cấp, các địa phương, đơn vị và quần chúng nhân dân trong trên địa bàn Thủ đô. Văn hóa trở thành một nội dung quan trọng trong hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các

tổ chức chính trị - xã hội các cấp, từng bước gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách về văn hóa và đời sống tinh thần cho nhân dân Thủ đô. Việc phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh được triển khai trên cơ sở kế thừa, bổ sung và hoàn thiện liên tục qua từng giai đoạn, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay ngày càng được quan tâm, được coi là nhiệm vụ căn bản, nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Thủ đô.

Trải qua 8 kỳ Đại hội, kể từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới (từ Đại hội X đến Đại hội XVII), tư duy lý luận về phát triển văn hóa, con người Thủ đô có bước phát triển mạnh mẽ. Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025 một lần nữa khẳng định, tư duy và nhận thức về phát triển văn hóa, xây dựng con người Hà Nội một cách toàn diện hơn, được nâng lên tầm cao mới, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá trong chiến lược xây dựng và phát triển Thủ đô theo hướng nhanh và bền vững.



*Biểu diễn nghệ thuật múa rồng tại không gian đi bộ hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội*

*— Ảnh: kinhtedothi.vn*

Nghị quyết đại hội Đảng bộ Thành phố khẳng định quyết tâm: “Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển Thủ đô”. Trong đó, nêu rõ mục tiêu “phát triển văn hóa là vì sự hoàn thiện nhân cách con người, và xây dựng con người để phát triển văn hóa” từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội của thành phố. Qua đó cho thấy, nhiệm vụ phát triển văn hóa

có tầm quan trọng và tính quyết định tới các nhiệm vụ khác.

Với phương châm kiên trì, bền bỉ, hiệu quả lâu dài, ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã chủ động, sáng tạo, trong nhiều nhiệm kỳ liên tục xây dựng và ban hành các chương trình công tác lớn toàn khóa về văn hóa. Đặc biệt, sau khi mở rộng địa giới hành chính (năm 2008), sự hòa nhập giữa văn hóa Thăng Long - Hà Nội với một số vùng văn hóa như, văn hóa xứ Đoài, văn hóa Sơn Nam Thượng... đã tạo nên sự đặc sắc,

phong phú của văn hóa Thủ đô; đồng thời thu hút tài năng, tâm huyết của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ đến từ mọi miền Tổ quốc. Đảng bộ thành phố Hà Nội đã không ngừng tổ chức triển khai, tạo bước đột phá, điểm nhấn trọng tâm khơi thông dòng mạch cho nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người. Trong nhiều nhiệm kỳ, Đảng bộ Hà Nội đều ban hành Chương trình lớn về văn hóa. Kết quả đến nay, công tác phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt được nhiều thành tựu quan trọng và toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, quốc phòng của Thủ đô. Hà Nội đạt và vượt nhiều chỉ tiêu đáng mừng trên lĩnh vực văn hóa, hoàn thành vượt kế hoạch, nhiều hoạt động hoạt động giao lưu, các sự kiện hợp tác, thúc đẩy quảng bá văn hóa được triển khai sáng tạo, hiệu quả và rộng khắp, góp phần không nhỏ vào nhiệm vụ phục hồi kinh tế Thủ đô. GRDP phục hồi và tăng trưởng mạnh, năm sau tăng hơn năm trước và tăng hơn mức tăng

trường chung của cả nước, tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng cao, chiếm khoảng 65% GRDP của Thành phố, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Thủ đô.

*Nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển văn hóa, con người Thủ đô được quan tâm, tăng lên qua từng giai đoạn.* Trong nhiều năm, mức đầu tư cho văn hóa tăng dần theo hướng năm sau cao hơn năm trước. Giai đoạn, 2021-2025 dự kiến mức đầu tư cho văn hóa chiếm 2% tổng thu ngân sách Thành phố. *Công tác xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển, được triển khai bài bản, có trọng tâm, trọng điểm;* công tác xây dựng đạo đức, lối sống văn minh, hiện đại được quan tâm. Hà Nội xác định nhiệm vụ cốt lõi là tập trung xây dựng thành phố tiêu biểu về lối sống, phong cách ứng xử có văn hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Cùng với đó, Hà Nội cũng là địa phương triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia như: *Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, chương trình xây dựng nông thôn*

mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững... đã góp phần rút ngắn khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn Thành phố. Thủ đô Hà Nội là nơi có tỷ lệ nghèo giảm nhanh nhất, giảm mạnh từ 7,52% đầu năm 2011 xuống còn 0,21% cuối năm 2020. Công tác xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế được triển khai thực hiện tốt. Quán triệt quan điểm phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, văn hóa phải được coi trọng và phát triển song hành với kinh tế, chính trị, xã hội. Hà Nội thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế, xác định đây là giá trị, chất lượng, trình độ phát triển của chính trị, của kinh tế với tư cách là hai lĩnh vực cơ bản, trọng yếu nhất của đời sống xã hội. Văn hóa là bảo đảm nhân văn của phát triển chính trị và phát triển kinh tế vì con người, vì sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng. Trọng tâm là thực hiện tốt quy chế văn hóa công sở gắn với việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng Đảng và Kết luận số 01 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ

thị 05-CT/TW về đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” coi đây điểm nhấn trong đánh giá vào trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp trong công tác xây dựng văn hóa trong chính trị của Thủ đô.

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh được Đảng bộ Thành phố quan tâm triển khai có nền nếp, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội cơ bản được đảm bảo; Ban Chỉ đạo Phong trào các cấp đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động xây dựng các thôn, tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới... Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được Thành phố chú trọng để xây dựng và phát triển, các công trình văn hóa, thể thao được quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Công tác quy hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực từ Thành phố tới cơ sở được triển khai đồng bộ và có nhiều đổi mới đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Hệ thống cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Thủ đô thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, về ứng

dụng công nghệ thông tin, quy tắc ứng xử, giao tiếp với nhân dân.

Hà Nội đã phát huy tốt vai trò của văn nghệ sỹ, trí thức Thủ đô. Đây là nguồn lực quan trọng góp phần phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật chất lượng cao trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân Hà Nội. Hằng năm, Thành phố luôn có những chính sách, chế độ đãi ngộ, quan tâm đến đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức Thủ đô, ban hành nhiều văn bản, có cơ chế, chính sách riêng nhằm động viên về cả vật chất và tinh thần

khuyến khích họ tiếp tục cống hiến, tạo động lực cho đội ngũ nghệ nhân kế cận tin tưởng vào việc giữ nghề và truyền nghề, tạo sự ổn định cho các làng, địa phương, góp phần lan tỏa việc xây dựng văn hóa người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hóa, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

**Hà Nội đã phát huy tốt vai trò của văn nghệ sỹ, trí thức Thủ đô. Đây là nguồn lực quan trọng góp phần phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật chất lượng cao trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân Hà Nội.**

*Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được quan tâm, đầu tư và triển khai có lộ trình bài bản.* Hà Nội là địa phương đầu tiên trong nước hoàn thành tổng kiểm kê, đánh giá, phân loại di tích và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Tính đến nay, Hà Nội đã có 5.922 di tích, trong đó có 2.669 di tích được xếp hạng. Công tác phân cấp phân quyền giữa các cấp trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn Thành phố được thể chế hóa. Công tác khảo sát, lập hồ sơ xếp hạng các di tích; việc tổ chức gắn biển các địa điểm, di tích cách

*mạng, kháng chiến được thực hiện khoa học, đúng quy trình.* Các lễ hội dân gian truyền thống được quan tâm nghiên cứu, nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể đã và đang được bảo tồn, tu liệu hóa đã trở thành những tài liệu quý. Hiện nay, Hà Nội đã khôi phục được 29 làn điệu múa cổ, nhiều loại hình di sản văn hóa phi

vật thể (*chèo, tuồng, rối nước, ẩm thực, nghề thủ công...*). Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn Thủ đô được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Các hủ tục dần được xóa bỏ, nhiều thôn, bản đã có hương ước và được công nhận “Làng văn hóa”.

*Việc phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ sức khỏe cho người dân đến nay có nhiều chuyển biến rõ nét.* Hà Nội đã đạt nhiều thành tựu trong việc phát triển khoa học và công nghệ Thủ đô, xứng tầm với vị trí là một trung tâm lớn về khoa học và công nghệ của cả nước. Thị trường khoa học công nghệ của Thủ đô từng bước được phát triển, ngày càng có nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển giao, ứng dụng vào thực tiễn, đem lại hiệu quả tốt trong các lĩnh vực, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thủ đô. *Thực hiện đột phá về phát triển giáo dục và đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đạt kết quả quan trọng.* Hà Nội tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường, lớp, chất lượng giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia,

quốc tế. Trong nhiều năm qua, Hà Nội đã đưa bộ tài liệu “*Giáo dục nếp sống thanh lịch-văn minh*”, “*Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh phổ thông Hà Nội*” vào giảng dạy trong trường học, nhiều thế hệ học sinh các cấp đã có những thay đổi trong nhận thức về lối sống, ứng xử, giao tiếp; đại bộ phận giáo viên được phân công giảng dạy đều ý thức về vai trò của mình trong việc nêu gương về nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh, trau dồi thêm hiểu biết về văn hóa người Hà Nội, điều chỉnh ứng xử trong nhà trường để thể hiện tinh thần, cốt cách thanh lịch, văn minh. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2021- 2025, Hà Nội sẽ triển khai xây dựng và ban hành Đề án “*Phát triển giáo dục sáng tạo trên địa bàn Thủ đô - tầm nhìn đến năm 2030*” để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho chiến lược xây dựng “Thành phố sáng tạo” của Thủ đô.

*Công tác phát triển hoạt động thể dục thể thao quần chúng và nâng tầm phát triển thể thao thành tích cao được quan tâm.* Nhiều năm qua, Hà Nội duy trì tốt và mở rộng phong trào “*Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn*

*kết xây dựng đời sống văn hóa”... Thường xuyên tổ chức các giải thi đấu thể thao, Đại hội thể dục thể thao,... tạo sân chơi lành mạnh cho nhân dân trên địa bàn Thủ đô. Công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng, đổi mới theo hướng đa dạng hóa các hình thức tổ chức khám, chữa bệnh cho người dân.*

*Việc phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa trên địa bàn Thủ đô có nhiều chuyển biến rõ nét. Là địa phương đầu tiên ban hành nghị quyết riêng về phát triển công nghiệp văn hóa của Thủ đô với mục tiêu là tạo bước phát triển toàn diện các ngành công nghiệp văn hóa cả về quy mô, chất lượng, dịch vụ và thị trường, đảm bảo phát triển bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ, tỷ trọng, giá trị gia tăng cao. Với Nghị quyết số 09, Hà Nội đặt mục tiêu phấn đấu doanh thu từ công nghiệp văn hóa đạt 5% GRDP của thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045. Để tạo đà cho văn hóa phát triển văn hóa theo hướng bền vững, năm 2019, Hà Nội trở thành địa*

*phương đầu tiên trong cả nước trở thành thành viên Mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO đã cho thấy tầm nhìn chiến lược trong việc phát triển văn hóa, con người Thủ đô trong bối cảnh mới. Hà Nội không chỉ tiên phong, tích cực tổ chức và tham gia nhiều hội nghị, hội thảo, diễn đàn,... với các thành phố trong Mạng lưới mà với vai trò tiên phong, Hà Nội còn là cầu nối, tạo tiền đề dẫn dắt thúc đẩy các thành phố khác của Việt Nam tích cực tham gia vào Mạng lưới các thành phố sáng tạo: Thành phố Hội An, Thành phố Đà Lạt,... đã chính thức cùng với Hà Nội là thành viên của Mạng lưới các các “Thành phố Sáng tạo” của UNESCO hình thành nên Mạng lưới các Thành phố sáng tạo của Việt Nam.*

Song song với phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng “Thành phố sáng tạo”, Thành phố quan tâm đầu tư xây dựng và hoàn thiện thị trường văn hóa Thủ đô. Việc hợp tác giao lưu trong nước và quốc tế về văn hóa trên địa bàn Hà Nội đã có nhiều khởi sắc. Chất lượng các hoạt động văn hóa, hiệu quả hoạt động văn hóa đã thực sự tạo được nhiều dấu ấn mới cho

Thủ đô. Công tác thông tin đối ngoại, quảng bá giá trị văn hóa, du lịch được đẩy mạnh, tăng cường; các hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa giữa Hà Nội với quốc tế có nhiều khởi sắc. Hà Nội tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa và đăng cai các sự kiện văn hóa quốc tế lớn thành công, gây được tiếng vang lớn trong nước và quốc tế *đặc biệt là “Lễ hội Thiết kế Sáng tạo Hà Nội” năm 2022, 2023.*

*Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực.* Công tác chỉ đạo, quản lý, thanh tra, kiểm tra, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động văn hóa được tiến hành thường xuyên. Công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa được triển khai đồng bộ, bài bản và đạt hiệu quả cao. Quá trình triển khai thực hiện luôn gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là chính, lấy cái đẹp dẹp cái xấu, cái tích cực đẩy lùi cái tiêu cực...; gắn với thực hiện thực hiện Chỉ thị 34 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa*”, chỉ đạo, điều

hành và duy trì tốt hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 Thành phố và các cấp địa phương, đơn vị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” trong gần 40 năm qua đang đặt ra cho Thủ đô Hà Nội nhiều vấn đề thách thức như: việc ban hành các cơ chế, chính sách còn chậm và chưa đồng bộ nên nhiều tiềm năng, lợi thế to lớn của Thủ đô chưa được nhận diện, khai thác và phát huy đầy đủ; các nguồn lực huy động cho phát triển chưa được sử dụng có hiệu quả để tạo ra đột phá lớn. Một số mục tiêu và chỉ tiêu quan trọng chưa hoàn thành; Phát triển văn hóa, xã hội còn một số bất cập, chưa thực sự xứng tầm với vai trò, tiềm năng, vị thế của Thủ đô. Việc nghiên cứu xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình trên địa bàn Thủ đô tuy đã được củng cố nhưng chưa hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát triển ngày càng mạnh mẽ của Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ, hiệu quả



sử dụng chưa cao; một số di sản, giá trị văn hóa tinh thần người Hà Nội đang dần bị mai một. Lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của trí thức, văn nghệ sỹ, chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc. Nhân lực cho ngành văn hóa còn thiếu và chưa cao. Phát triển công nghiệp văn hóa, quảng bá văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong muốn. Tình trạng thiếu văn hóa nơi công cộng, thiếu văn minh đô thị vẫn còn xảy ra. Văn hóa chưa thực sự trở thành nguồn sức mạnh, nguồn động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của Thủ đô. Việc thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội cho giáo dục, hợp tác, liên kết quốc tế về giáo dục, đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học còn hạn chế, gặp nhiều rào cản về thể chế. Các chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đạt hiệu quả. Việc tổ chức, đăng cai tổ chức các chuỗi sự kiện văn hóa thể thao mang tầm cỡ khu vực và quốc tế còn hạn chế, chưa thường xuyên. Đóng góp của văn hóa, của công nghiệp văn hóa và du lịch, nhất

là du lịch văn hóa còn khiêm tốn. Việc xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng Thành phố sáng tạo còn chậm.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII, đặc biệt là thực hiện có hiệu quả mục tiêu về phát triển văn hóa được đề ra trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5-5-2022 của Bộ Chính trị về “*Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”. Đồng thời, hiện thực hóa những cam kết của Hà Nội với tư cách là một “*Thành phố sáng tạo*” có vai trò quan trọng trong khu vực và định vị vai trò dẫn đầu thúc đẩy hệ thống các thành phố sáng tạo trong Mạng lưới. Sớm hoàn thành mục tiêu trở thành một trong ba trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước, trong thời gian tới Hà Nội cần tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về văn hóa và nhiệm vụ phát

triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền của Thành phố. Đồng thời, thống nhất quan điểm xây dựng và phát triển văn hóa, con người là sự nghiệp lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, thận trọng; luôn tìm tòi, đổi mới tư duy phát triển vừa đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, vừa thúc đẩy và đặt đúng vai trò chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của người dân, khẳng định con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là mục tiêu và trung tâm trong chính sách phát triển của Thủ đô.

*Hai là*, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận số 76/KL/TW của Bộ chính trị, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 24/11/2022), Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ thành phố nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu trên lĩnh vực văn hóa, phát

triển con người Thủ đô trong giai đoạn mới.

*Ba là*, quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển văn hóa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô; bố trí nguồn lực đầu tư phù hợp, tạo cơ chế thuận lợi thu hút nguồn lực xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển để Thủ đô xứng đáng là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, nhất là thúc đẩy mạnh mẽ việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng “*Thành phố sáng tạo*” - Một động lực mới, thương hiệu mới được cộng đồng quốc tế ghi nhận gắn với mục tiêu phát triển Thủ đô với tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, tập trung rà soát, bổ sung điều chỉnh Quy hoạch và chiến lược phát triển văn hóa Hà Nội phù hợp với giai đoạn phát triển mới; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09 của Thành ủy Hà Nội “*Về phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” gắn với phát triển thị trường văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

*Bốn là*, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và nhân văn, chú ý xây dựng văn hóa trong

từng cộng đồng thôn làng, khu dân cư, tổ dân phố, trường học, cơ quan, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Coi trọng xây dựng, thực hành văn hóa chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định của Đảng về nêu gương và tinh thần Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII, XIII)... Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện 02 Quy tắc ứng xử của Thành phố; khuyến khích xây dựng, phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân mang bản sắc văn hóa Thăng Long - Hà Nội; thực hiện nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đi vào thực chất, có hiệu quả, tạo sức lan tỏa xã hội cao.

*Năm là*, hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo bao phủ và sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thành phố đến cơ sở; khuyến khích phát triển, khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, không gian văn hóa... của cộng đồng; đầu tư kiến tạo các công trình văn hóa mới tiêu biểu, có không gian cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô thời kỳ mới...

*Sáu là*, tiếp tục kiên trì mục tiêu xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện, hình thành hệ giá trị văn hóa mới trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc của Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn hiến. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, lan tỏa hơn nữa giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, con người Hà Nội nhằm bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tình yêu Hà Nội, truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, gương mẫu về đạo đức, lối sống, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng đổi mới sáng tạo, ý chí vươn lên, tình yêu Hà Nội của mỗi người dân Thủ đô.

*Bảy là*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Tập trung xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác văn hóa từ Thành phố tới cơ sở; hoàn thiện chính sách về trọng dụng, phát huy nhân tài; tuyển chọn đào tạo và gửi đào tạo ở các quốc gia tiên tiến nhằm hình thành đội ngũ

chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý văn hóa, văn nghệ sỹ giỏi thuộc nhiều lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài của Thủ đô.

*Tám là*, tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển văn học, nghệ thuật Thủ đô nhằm sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao, tạo dấu ấn về tư tưởng và nghệ thuật. Chăm lo phát triển phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng. Phát huy trí tuệ, tâm huyết, sáng tạo của đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ Thủ đô. Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với nghệ nhân dân gian, văn nghệ sỹ... và khuyến khích trao truyền, sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cường ngăn chặn, xử lý các hoạt động, truyền bá các sản phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung, tư tưởng thấp, ảnh hưởng xấu tới xã hội.

Hà Nội tin tưởng với quyết tâm chính trị cao, với truyền thống đoàn kết được chứng minh qua hàng nghìn năm văn hiến, Đảng bộ, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, sự đồng thuận ủng hộ và vào cuộc của các tầng lớp nhân dân Hà Nội sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ

mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII đề ra, xứng đáng với vị trí trung tâm văn hóa lớn của cả nước, tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, đoàn kết, trong sạch, vững mạnh toàn diện, tiêu biểu, tạo bước phát triển toàn diện, theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) “*về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” phấn đấu đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội là Thành phố “*Văn hiến - Văn minh - Hiện đại*”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển Vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực. Đến năm 2045, Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hòa, tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới ■

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI NỬA ĐẦU NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII VÀ ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHO GIAI ĐOẠN TỚI

● GS, TS ĐẶNG NGUYỄN ANH

## 1. Mở đầu

Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã đem lại những thành tựu to lớn, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, mức sống được nâng cao, tiềm lực, uy tín và vị thế đất nước được tăng cường. Trong suốt quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tầm quan trọng của chính sách xã hội, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội hướng đến mục tiêu tổng quát “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn

phát triển hiện nay. Phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách và suốt quá trình phát triển là quan điểm xuyên suốt, luôn được quán triệt sâu sắc qua các kỳ đại hội. Nhiều chính sách xã hội được ban hành góp phần gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, đồng thời phát huy tính năng động, khắc phục những bất cập cố hữu của cơ chế thị trường. Với ý nghĩa đó, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội thực sự là một ưu tiên trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII nhấn mạnh yêu cầu thực hiện có hiệu



*Khai thác dầu khí tại mỏ Bạch Hổ \_ Ảnh: petrovietnam.petrotimes.vn*

lực, hiệu quả chính sách xã hội như một trong những điều kiện tiên quyết để đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Báo cáo Chính trị Đại hội XIII khẳng định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2021-2025 là: “*Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội,*

*an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội... Quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh”<sup>1</sup>.*

Bài viết tập trung nhận diện, đánh giá các kết quả thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực xã hội đặt ra trong văn kiện Đại hội XIII (nhiệm kỳ 2021-2025). Những thành tựu và hạn chế, thách thức trong nửa đầu nhiệm kỳ cần được phân tích khách quan, khoa học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng chính sách nhằm hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ trong nửa cuối nhiệm kỳ XIII, đúc rút bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội trong giai đoạn tiếp theo (2026-2030 và tầm nhìn 2045).

**2. Kết quả đạt được trong lĩnh vực xã hội nửa đầu nhiệm kỳ XIII**

*2.1 Chăm sóc, ưu đãi người có công với cách mạng tiếp tục được quan tâm*  
**Chính sách ưu đãi người có công với**

*cách mạng luôn có vị trí quan trọng trong hệ thống các chính sách xã hội của nước ta. Đây là một chính sách đặc biệt của Việt Nam, thực hiện với những đối tượng đặc thù, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng, tiếp nối truyền thống tốt đẹp và đạo lý “Uống nước, nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” của dân tộc.*

Hơn 75 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, chế độ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Gần đây nhất, Pháp lệnh 02 được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 09/12/2020 có hiệu lực

thi hành từ ngày 1/7/2021 với nhiều điểm mới nhằm nâng cao chế độ ưu đãi và mở rộng đối tượng hưởng ưu đãi cho người có công. Đến nay, cả nước có trên 9,2 triệu người có công,

trong đó 1,2 triệu người đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng. Đời sống người có công không ngừng được nâng lên. Hiện nay 98,6% hộ gia đình người có công của cả nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Chính sách xã hội với người có công đã giải quyết dứt điểm tình trạng nghèo, đến nay không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo. Phấn đấu đến cuối năm 2025 đạt chỉ tiêu 100% hộ người có công có mức sống cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Ưu tiên hỗ trợ kinh phí xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở (Nguyễn Bá Hoan, 2022).

Chế độ ưu đãi người có công được triển khai sâu rộng ở cơ sở, là một trong những chính sách xã hội được thực hiện tốt nhất hiện nay. Nhà nước với vai trò chủ đạo bảo đảm ngân sách để chi trả trợ cấp ưu đãi với nguồn kinh phí được đảm bảo hàng năm. Việc thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng trong đã được các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị-xã hội

tổ chức thực hiện kịp thời theo Nghị quyết Đại hội XIII, đạt được nhiều kết quả khả quan, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của hộ gia đình người có công, góp phần giữ vững ổn định chính trị-xã hội, thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

*2.2 An ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển xã hội*

Công tác bảo vệ an ninh trật tự tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội. Các hoạt động gìn giữ an toàn giao thông, trật tự đô thị, vận động quần chúng, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tăng cường, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là ở cấp cơ sở. Bên cạnh đó, chất lượng công tác tuyên giáo được nâng cao, kịp thời để chủ động ứng phó, xử lý những thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc tâm lý và định hướng dư luận xã hội.

Đặc biệt, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng có bước tiến



manh, đạt nhiều kết quả tích cực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao. Vị trí, vai trò của cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực ngày càng được coi trọng và nhận thức sâu sắc hơn trong toàn xã hội. Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết xử lý các vụ việc tham nhũng lớn theo tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai” góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước.

Các biện pháp kiến quyết ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật trong giao thông, kiểm tra nồng độ cồn lái xe nhằm kiểm chế tai nạn giao thông được thực hiện nghiêm. Tiếp tục đấu tranh quyết liệt với tội phạm có tổ chức, băng nhóm lừa đảo, trộm cắp, cờ bạc, ma túy, cho vay nặng lãi. An ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển xã hội trong tình hình mới.

### 3. Tồn tại, hạn chế

3.1 Chưa có đột phá trong hoàn thiện đồng bộ thể chế về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội

Văn kiện Đại hội XIII đã xác lập tầm quan trọng của phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong tình hình mới. *Tuy nhiên trong hơn hai năm qua, các quan điểm, chủ trương của Đảng chậm được cụ thể và thể chế hóa đồng bộ thành các chương trình và kế hoạch hành động, chưa có đột phá trong khâu triển khai thực hiện.* Hệ thống lý luận chính thể về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội chưa hoàn thiện, tồn tại nhiều bất cập và khoảng trống. Vai trò của tri thức, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ và trí tuệ nhân tạo chưa được coi trọng trong lĩnh vực xã hội và quản lý phát triển xã hội. Công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp luật, đạo đức, lối sống còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Có nhiều vấn đề mà pháp luật và quản lý nhà nước chưa vươn tới, dẫn đến những bất cập và khó khăn trong xử lý, giải quyết. Hệ thống chính trị cơ sở ở một số địa phương thiếu sức chiến đấu, xa dân, không nắm được tình hình cũng như những trăn trở của người dân, không bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân là một trong những nguyên nhân

dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo, diễn biến phức tạp ở các địa phương này. Trong khi đó, vai trò, chức năng cũng như phạm vi tham gia thực hiện các chính sách xã hội của các chủ thể ngoài nhà nước còn hạn chế. Có thể nói, hiện chưa có đột phá trong hoàn thiện đồng bộ thể chế, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội.

### *3.2 Các bất cập trong công bằng xã hội chưa được khắc phục, bất bình đẳng và phân hóa giàu nghèo tiếp tục gia tăng*

Vấn đề tiến bộ và công bằng xã hội được đề cập ngay từ Đại hội XI của Đảng và tiếp tục được quán triệt qua các kỳ Đại hội sau đó, thể hiện nhận thức lý luận ngày càng đầy đủ của Đảng ta về vấn đề quan trọng này. Xử lý hiệu quả và thực chất mối quan hệ giữa đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội với việc tạo động lực cho phát triển là nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách, một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng với quan điểm, chính sách xã hội luôn phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế, thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế.

Công bằng xã hội thường gắn với hình thức phân phối hợp lý, phản ánh

đúng tương quan giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa trách nhiệm và lợi ích. Tuy nhiên, quan hệ phân phối hiện nay chưa tạo động lực phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn phát triển trong nước và trên thế giới đã và đang có những thay đổi nhanh chóng, làm xuất hiện và phát sinh nhiều vấn đề mới liên quan, đòi hỏi nhận diện và đánh giá kịp thời cùng với những giải pháp phù hợp. Vấn đề không chỉ là phân phối công bằng, hiệu quả mà cần đẩy mạnh phát triển xã hội toàn diện và bền vững trên các lĩnh vực. Nguyên tắc bao trùm và toàn diện của chính sách xã hội là mang lại cho con người một cuộc sống tốt đẹp không chỉ riêng cho một nhóm đặc quyền hay nhóm lợi ích nào, mà là cho mọi người dân trong xã hội.

Có thể nhận diện rõ phân hóa giàu nghèo trong gia tăng chênh lệch thu nhập. Nếu như năm 2010 chênh lệch giữa nhóm hộ thu nhập thấp nhất (nhóm 1) và hộ thu nhập cao nhất (nhóm 5) là 3 triệu đồng thì đến năm 2019, chênh lệch này tăng lên hơn gấp 3 lần (9,1 triệu đồng). Kết quả Khảo

sát Mức sống dân cư năm 2022, mức chênh lệch giữa hai nhóm hộ là gần 8 lần (10,23 triệu đồng), cho thấy xu hướng bất bình đẳng đang gia tăng trong xã hội và không dừng lại trong nửa đầu nhiệm kỳ 2021-2025, tuy chịu tác động mạnh của Covid-19. Các chính sách phục hồi kinh tế-xã hội sau đại dịch cần quan tâm hơn nữa đến người nghèo, lao động di cư và các nhóm yếu thế khác trong xã hội.

Năm 2022 là năm đầu tiên Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo đa chiều với chuẩn nghèo thu nhập và 6 chiều dịch vụ cơ bản. Theo chuẩn nghèo mới này (TCTK, 2023a), toàn quốc có 4,3% hộ nghèo đa chiều. Trung du và miền núi phía Bắc vẫn là khu vực có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước (12,1%). Riêng về 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, thì thiếu hụt nhiều nhất là việc làm (39,8%), giáo dục (33,6%), dinh dưỡng (24,1%) và bảo hiểm y tế (22,4%). Như vậy, bất bình đẳng xã hội và phân hóa giàu nghèo trở nên cấp thiết cần được giải quyết hiệu quả để có thể góp phần phát triển xã hội bền vững theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII.

*3.3 Lao động trẻ thiếu việc làm ổn định, chất lượng nhân lực thấp, không phát huy được lợi thế cơ cấu dân số vàng*

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (2023b), tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ghi nhận trong Quý I năm 2023 là 7,6%, cao gấp 3,4 lần tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước (2,25%), nguy cơ mất việc của lao động trẻ cao gấp ba người lao động lớn tuổi hơn. Tỷ lệ thất nghiệp cao trong dân số thanh niên phản ánh chính sách kết nối cung - cầu lao động chưa hiệu quả, thậm chí yếu kém. Toàn quốc hiện có 10,8 triệu thanh niên, chiếm 21,4% lực lượng lao động, là nguồn cung dồi dào với tiềm năng lớn của cơ cấu “dân số vàng”. Các chính sách tạo việc làm ổn định cho thanh niên kéo dài qua nhiều năm và không giúp cải thiện được tình hình. Chất lượng lao động và nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước. Theo con số thống kê, đến hết năm 2022 lao động có bằng cấp, chứng chỉ mới chỉ chiếm 27% lực lượng lao động, thấp hơn so với mục tiêu đặt ra, là vấn đề quan ngại nhưng vẫn chưa được cải thiện.

Công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang hồi phục sau đại dịch, tập trung chủ yếu ở các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

Theo báo cáo của Bộ LĐ-TB&XH (2023), năm 2022 Việt Nam đã đưa được 142.779 lao động đi làm việc ở nước ngoài - con số cao nhất kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Trong 6 tháng đầu năm 2023, hơn 72 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong đó 35% là lao động nữ. Tuy nhiên, mục tiêu đặt ra năm nay đưa 110 nghìn lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp

đồng vẫn thấp hơn so với trước khi diễn ra đại dịch Covid-19 (năm 2019 đưa được hơn 153 nghìn lao động). Rất cần mở thêm thị trường tiếp nhận lao động để mở rộng thêm cơ hội việc làm và tăng thu nhập, nhất là đối với lao động trẻ hiện nay. Cần lưu ý rằng,

lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đa phần xuất phát từ nông thôn với trình độ học vấn phổ thông, kỹ năng ngoại ngữ hạn chế. Do đó,

người lao động chỉ có thể được tiếp nhận vào các thị trường, ngành nghề sử dụng lao động giản đơn với tay nghề và thu nhập thấp. Đây là một hạn chế lớn trong công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

*3.4 Tiếp cận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh nhân dân gặp nhiều khó khăn, trở ngại với chất lượng giảm sút*

Kể từ khi ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW (khóa XII) “Về

cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”, diện bao phủ BHXH nước ta được mở rộng với nhiều đổi mới về phương thức thực hiện, tạo bước chuyển biến của hệ thống. Bảo hiểm xã hội (BHXH) đang từng bước khẳng định vai trò là một trong những trụ cột chính của hệ

**Kể từ khi ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW (khóa XII) “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”, diện bao phủ BHXH nước ta được mở rộng với nhiều đổi mới về phương thức thực hiện, tạo bước chuyển biến của hệ thống. Bảo hiểm xã hội (BHXH) đang từng bước khẳng định vai trò là một trong những trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội.**

thống an sinh xã hội. Hiện nay, trong tổng số 54 triệu lao động, có khoảng 13 triệu người đang tham gia BHXH bắt buộc. Quy mô và tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện vẫn rất khiêm tốn chỉ với 1,5 triệu người và không tăng qua nhiều năm. Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2023), gần 1 triệu lao động đã rút sổ BHXH (tăng 3,5% so với năm 2021). Con số rút BHXH một lần năm 2020 là 860 nghìn người, năm 2021 là 960 nghìn người hưởng BHXH một lần, không còn trong hệ thống. Các lao động này hầu hết làm việc trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp với thu nhập và an ninh việc làm bấp bênh, công việc không ổn định, khả năng tích lũy thấp, khi mất việc làm thì không còn lựa chọn nào khác là phải rút cả tiền bảo hiểm xã hội. Tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu đã khiến cho nhiều doanh nghiệp ngừng sản xuất, lao động bị mất việc làm, cắt giảm thu nhập. Bên cạnh đó, chính sách BHXH chưa hấp dẫn, quyền lợi bảo hiểm bị hạn chế nên chưa thu hút được người lao động tham gia và gắn bó lâu dài. Tình trạng trốn đóng, nợ đóng BHXH của

một số doanh nghiệp càng làm giảm sút niềm tin của xã hội vào hệ thống bảo hiểm. Việc người lao động rút BHXH một lần là giải pháp tình thế, không bền vững song tình trạng này khiến mục tiêu BHXH toàn dân khó có thể thành hiện thực, gây ảnh hưởng tiêu cực đến an sinh xã hội và làm mất đi vai trò trụ cột của hệ thống này.

Trong khi đó, chất lượng khám chữa bệnh nhân dân hiện tiếp tục giảm sút do tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị hư hỏng, không có hóa chất, cạn vật tư y tế từ năm 2022 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác khám bệnh và điều trị cho người bệnh tại nhiều bệnh viện trong cả nước. Người bệnh tuy có bảo hiểm y tế nhưng do bệnh viện thiếu thuốc nên quyền lợi khám chữa bệnh bị vi phạm. Trong thời gian qua, mặc dù Quốc hội, Chính phủ, và các bộ ngành đã rất cố gắng, nỗ lực giải quyết để có thể mua được vật tư, thuốc men, trang thiết bị y tế theo đúng thủ tục quy định song đến nay ngành y tế và công tác chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân do có nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách và hành lang pháp lý. Tình

trạng thiếu thuốc, sinh phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế vẫn chưa được giải quyết dứt điểm còn do sự đùn đẩy, tránh né kéo dài, không dám chịu trách nhiệm trong ngành y tế. Tình trạng cán bộ bỏ việc sang làm tư nhân, đặc biệt các cán bộ ngành y có tay nghề cao đang là khó khăn, thách thức. Lãnh đạo ngành y tế chưa quyết liệt trước những tổn động, vướng mắc trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân mà hậu quả là xã hội phải gánh chịu, không đạt mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế của Văn kiện Đại hội XIII.

### *3.5 An sinh xã hội cho người lao động di cư còn nhiều hạn chế*

Cùng với tiến trình mở cửa và hội nhập, quá trình di chuyển dân số đã và đang diễn ra với quy mô ngày càng lớn. Di cư lao động đến đô thị và các khu công nghiệp có nhiều mặt tích cực, góp phần đẩy sự phát triển đa dạng của các lĩnh vực và các ngành nghề, dịch vụ, có ý nghĩa đối với sự tăng trưởng kinh tế; góp phần bổ sung nguồn lực lao động ở nơi đến.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chú ý tới mục tiêu tạo sự bình đẳng cho mọi công dân, trong đó có lao động di

cư hiện là nhóm dễ bị tổn thương và gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách an sinh xã hội. Đại dịch Covid-19 bùng phát đã cho thấy rõ sự phụ thuộc của thành phố và các trung tâm công nghiệp vào người lao động di cư. Mặc dù có những đóng góp không nhỏ đối với phát triển kinh tế - xã hội, song lao động di cư là nhóm đối tượng dễ tổn thương nhất và khó tiếp cận với an sinh xã hội.

Tình trạng việc làm bấp bênh, không ổn định, tiền công lao động thấp trong khi cuộc sống khó khăn, giá thuê trọ và sinh hoạt phí đắt đỏ là những vấn đề tồn tại và kéo dài nhiều năm nhưng chưa được giải quyết. Vì vậy, chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động di cư cần được chú trọng và hướng đến mục tiêu phát triển con người, ổn định xã hội, bảo đảm quyền an sinh, quyền cư trú và tự do tìm việc làm đã được Hiến pháp và pháp luật quy định.

Lao động di cư thường sống trong những khu nhà trọ chật chội với các điều kiện sinh hoạt tạm bợ, trả phí cao hơn cho các tiện ích cơ bản như điện, nước, môi trường... Tình trạng người lao động phải thuê/mượn nhà của tư

nhân với giá cao hơn nhiều so với mức thu nhập là phổ biến. Bất bình đẳng tài sản và thu nhập giữa người di cư và người dân tại chỗ là một quan ngại trong quá trình phát triển xã hội. Mặc dù Nhà nước đã có những chính sách tháo gỡ, khuyến khích việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, song người lao động di cư vẫn không dễ dàng tiếp cận được do điều kiện tài chính eo hẹp và do không đáp ứng được những tiêu chuẩn quy định. Mặc dù một số địa phương đã có chủ trương xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, song nhiều dự án vẫn còn bỏ ngỏ, không được thực hiện do thiếu vốn, thiếu sự quan tâm và chung tay của doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và an sinh xã hội cho lao động di cư, chính sách nhà ở xã hội cần hướng mục tiêu vào đáp ứng nhu cầu có nơi ở của người lao động, theo định hướng không phải xây nhà để bán mà để cho thuê.

*3.6 Chưa gắn kết dân số và phát triển trong chính sách, chưa chủ động ứng phó với già hóa dân số, khắc phục tình trạng chênh lệch giới tính thai nhi*

Nghị quyết Đại hội XIII yêu cầu phát huy lợi thế “dân số vàng” đồng thời cần

thích ứng với quá trình già hóa dân số, nhanh chóng khắc phục tình trạng chênh lệch giới tính thai nhi. Nghị quyết số 21-NQ/TU (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới cũng đã khẳng định việc gắn kết dân số với phát triển, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, trên thực tế các chính sách về dân số đến nay chậm đổi mới. Trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và y tế vẫn còn nặng về kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, mà chưa chú trọng quan hệ giữa dân số với phát triển. Việc lồng ghép yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội còn rất hạn chế ở các cấp, các ngành.

Dân số Việt Nam đã chạm mốc 100 triệu, số người từ 60 tuổi trở lên hiện chiếm 13% dân số và đến năm 2050 sẽ tăng lên 25%, tức là cứ 4 người thì có 1 người cao tuổi. Hiện chưa có các giải pháp chính sách chủ động thích ứng

với quá trình già hóa dân số đang diễn ra nhanh hiện nay và rất nhanh sau năm 2035. Trong ngắn hạn, già hóa dân số ảnh hưởng đến cơ cấu lực lượng lao động và từ đó đến tăng trưởng kinh tế. Trong dài hạn, quá trình này tạo nên các tác động đa chiều đến các lĩnh vực từ kinh tế đến giao thông, y tế, an sinh xã hội và văn hóa, giáo dục. Vì vậy, cần có chiến lược thích ứng từ bây giờ để có thể chủ động ứng phó với một xã hội “già” chỉ trong vòng 10-15 năm nữa. Đây là một thách thức được chỉ ra trong Nghị quyết Đại hội XIII song chưa được quan tâm thực hiện.

Do tư tưởng truyền thống ưa thích con trai còn khá phổ biến trong một bộ phận dân cư, kể cả cán bộ, công chức, đảng viên nên việc lựa chọn giới tính thai nhi trước sinh vẫn diễn ra phổ biến tại nhiều địa phương, nhất là các tỉnh nông thôn Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ khiến cho tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam vào loại cao trên thế giới (112 bé trai trên 100 bé gái). Nhiều cặp vợ chồng khi biết thai nhi là con gái (đặc biệt con gái thứ hai) thì quyết định phá thai vì muốn sinh con trai nhằm mục đích

nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên, an sinh tuổi già. Nhiều phụ nữ phải mang thai và phá thai nhiều lần để sinh được con trai. Tình trạng nạo phá thai để lựa chọn giới tính thai nhi diễn ra trong các cặp vợ chồng đã sinh hai con gái, hoặc các gia đình có điều kiện kinh tế muốn sinh thêm con hoặc khao khát có con trai. Mặc dù hiện có nhiều quy định pháp luật trong việc nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi song việc thực thi các quy định này trong đời sống xã hội rất khó khăn. Các chế tài không được thực hiện nghiêm túc, chưa được giám sát, kiểm tra chặt chẽ, không đủ sức răn đe. Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi chưa đến từng đối tượng, nhất là nam giới. Bên cạnh đó, sự phát triển của kỹ thuật siêu âm hiện đại giúp xác định đầy đủ, chính xác giới tính thai nhi ngay từ khi ở trong bụng mẹ. Thực trạng trên cho thấy việc cân bằng lại tỷ số giới tính trẻ em khi sinh còn khó khăn hơn cả những nỗ lực giám sinh trước đây bởi hành vi lựa chọn giới tính thai nhi rất khó bị phát hiện, xử lý và khi mô hình gia đình ít con trở nên phổ biến trong xã hội. Theo dự báo, nếu tình hình



không được cải thiện sẽ có khoảng 1,5 triệu nam giới dư thừa ở Việt Nam vào năm 2035 và đến năm 2059 thì con số này tăng lên hơn 2,5 triệu, đi liền với tình trạng kết hôn sớm, bắt cóc, mại dâm và mua bán phụ nữ, trẻ em gái (TCTK, 2020). Đây vẫn là điểm nghẽn trong công tác dân số và phát triển xã hội hiện nay, là nguyên nhân và hậu quả của bất bình đẳng giới trong xã hội, dẫn đến những hệ lụy tiêu cực trong phát triển xã hội nếu không được ngăn chặn và khắc phục kịp thời.

#### 4. Một số định hướng giải pháp

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra những định hướng, giải pháp cơ bản trên lĩnh vực phát triển xã hội. Những hạn chế, tồn tại hiện nay chủ yếu nằm ở khâu nhận thức và triển khai thực hiện, do các chủ trương, quan điểm của Đảng về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội chưa được quán triệt và thể chế hóa đồng bộ, nguồn lực còn hạn chế. Nhiều chính sách đúng nhưng hiệu quả thực hiện chưa cao so với yêu cầu và nguồn lực đầu tư. Những thành tựu và hạn chế, thách thức trong nửa đầu nhiệm kỳ cần được phân tích khách quan, khoa học để có thể hoàn thành các mục

tiêu, nhiệm vụ trong nửa cuối nhiệm kỳ XIII, đúc rút bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội trong giai đoạn tiếp theo (2026-2030 và tầm nhìn 2045).

(1) Tăng cường xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức, quản lý xã hội kỷ cương, hiệu quả.

(2) Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn dân, toàn diện, bền vững với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro, bảo đảm trợ giúp kịp thời, hiệu quả cho các đối tượng yếu thế, người nghèo, lao động di cư và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

(3) Nâng cao hiệu quả các chính sách lao động, việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục, thực hiện tốt an sinh xã hội. Chú trọng cải cách tiền lương, chính sách đãi ngộ đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của người lao động, tạo động lực phát triển.

(4) Tăng cường chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, thực thi hiệu quả chính sách dân số và phát triển, chủ động thích ứng với dân số già,

khắc phục kịp thời tình trạng chênh lệch giới tính thai nhi.

(5) Quản lý phát triển xã hội kỷ cương, nghiêm minh theo Hiến pháp và pháp luật, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về các chính sách an sinh xã hội, an ninh con người, thu hẹp bất bình đẳng và phân hóa giàu nghèo, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

(6) Tăng cường và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư nhà nước cho phát triển xã hội, khai thác tối đa các nguồn lực khác trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các giai tầng, để mọi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới.

## 5. Kết luận

Hơn ba năm đã qua kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, tác động nghiêm trọng đến toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thế giới sụt giảm, đứng trước nguy cơ suy thoái nghiêm trọng. Quan hệ quốc tế có những thay đổi nhanh chóng, khó dự báo. Tình hình an ninh - chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp. Những thách thức an ninh phi truyền thống về biến đổi khí hậu,

thiên tai, dịch bệnh, an ninh năng lượng, lương thực ngày càng lớn và tác động ngày càng nặng nề đến các quốc gia. Âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động vẫn tồn tại hòng phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. *Trong tình hình đó, đất nước sẽ phải đối mặt với những khó khăn, thách thức do những tác động, ảnh hưởng kép của các yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong của nền kinh tế tồn tại từ nhiều năm.* Nguồn lực tài chính cho việc triển khai, thực hiện các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội trở nên khó khăn hơn.

Bài viết nhận diện và đánh giá kết quả, thành tựu cũng như tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội theo các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đặt ra trong Văn kiện Đại hội XIII. Để góp phần hiện thực hóa mục tiêu Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045, cần đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mục tiêu này khẳng

định bản chất ưu việt, tốt đẹp và là tiêu chí xác định sự định hình từng bước giá trị của chủ nghĩa xã hội trong hiện thực. Tăng cường hoàn thiện đồng bộ thể chế, chính sách, pháp luật với quan điểm an ninh con người, phát triển con người là mục tiêu cuối cùng của

công cuộc đổi mới. Phát triển xã hội bền vững cần được bảo đảm vững chắc bằng thành quả của công cuộc đổi mới, để mọi người dân được tham gia và thụ hưởng ngày một nhiều hơn trong quá trình xây dựng, hội nhập và phát triển đất nước ■

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.147, 148, 330.

### Tài liệu tham khảo

<sup>1</sup> Bảo hiểm xã hội Việt Nam: *Báo cáo kết quả công tác năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023*, Hà Nội, 2023.

<sup>2</sup> Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: *Công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*. Cục quản lý lao động ngoài nước, Hà Nội, 2023.

<sup>3</sup> Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: *Giảm nghèo*, Hà Nội, 2023.

<sup>4</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.147, 148, 153.

<sup>5</sup> Nguyễn Bá Hoan: Chính sách đối với người có công luôn được quan tâm, nhất quá, thường xuyên. *Tap chí Quốc phòng Toàn dân*, Truy cập từ: <http://tapchiquptd.vn/vi/nhung-ngay-ky-niem-lon/chinh-sach-doi-voi-nguoi-co-cong-luon-duoc-quan-tam-nhat-quan-thuong-xuyen/18967.html>

<sup>6</sup> Tổng cục Thống kê: *Báo cáo kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2022*, Hà Nội, 2023.

<sup>7</sup> Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm Quý I năm 2023*, Hà Nội, 2023.

<sup>8</sup> Tổng cục Thống kê: *Báo cáo hội nghị công bố kết quả nghiên cứu chuyên sâu Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Hà Nội, 2020.

# VÀI CẢM NHẬN VỀ SỨC MẠNH MỀM VIỆT NAM

● GS, TS HÒ SĨ QUÝ

Ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương;

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nói đến sức mạnh mềm, cả thế giới đều nhắc đến ông Joseph Nye, GS. Đại học Harvard, Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ thời cuối những năm 1990s. Ông được coi là “cha đẻ” của học thuyết “sức mạnh mềm” công bố năm 1990, dù trước ông, thuật ngữ này (Soft power) cũng đã được nhiều học giả khác sử dụng.

Điều J. Nye đáng được ca ngợi là ở chỗ, ông có cái nhìn xuyên thấu lịch sử, khái quát lại và phát hiện ra sức mạnh đặc biệt của văn hóa, tư tưởng và chính sách mà nhờ đó, nhiều quốc gia đã trở nên có sức hấp dẫn, thu hút và chinh phục được thế giới. Rất may, Việt Nam là một trong số các quốc gia như vậy.

Theo J. Nye, “sức mạnh mềm” của một quốc gia được tạo nên bởi ba nguồn lực chính *nền văn hoá, hệ giá*

*trị và hệ thống chính sách*. Những quốc gia đã từng được J.Nye đánh giá ít nhiều tích cực về sức mạnh mềm là Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc... và một vài nước khác.

Nhiều người vẫn nhớ, đầu năm 2010, chính là nhờ sự kết nối của Vietnam.net mà J. Nye đến Việt Nam. Trong một buổi thuyết trình dịp đó, J. Nye khẳng định “Việt Nam là một câu chuyện rất hấp dẫn trong lịch sử về sự dũng cảm của con người cũng như văn hóa. Sức mạnh mềm Việt Nam trước hết là *chủ nghĩa dân tộc lành mạnh*. Việt Nam có thể tận dụng và phát huy điều đó cho sự phát triển của mình”<sup>1</sup>.

J. Nye cũng ngợi ca sức mạnh mềm Trung Quốc khá nhiều. Ở nước này, J. Nye có thời được coi là thần tượng. Gần đây, quan niệm của ông về sức mạnh mềm Trung Quốc có đôi chút khác trước, đặc biệt về những chính

sách đối ngoại và đối nội, nhưng trên những nét lớn, ông vẫn đề cao tiềm lực sức mạnh của văn hóa Trung Quốc.

Sau hơn 10 năm J.Nye đến Việt Nam, trong con mắt cộng đồng thế giới, Việt Nam đã có những bước phát triển được coi là ấn tượng, một phần sức mạnh mềm Việt Nam đã được giải phóng. Nhiều số liệu và dữ liệu về kinh tế - xã hội Việt Nam đã phản ánh điều này, mặc dù, với thực tế đời sống, vẫn còn không ít vấn đề mà chúng ta chưa thể hài lòng.

Từ cuối thập niên đầu thế kỷ XXI, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình, có thành tích xóa đói, giảm nghèo được LHQ đánh giá rất cao. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế liên tục, kể cả trong khủng hoảng tài chính 2008-2012 và trong đại dịch Covid-19 2021-2022, diện mạo của xã hội ngày càng được cải thiện theo hướng hoà nhập sâu hơn vào cộng đồng thế giới và quan tâm nhiều hơn đến đời sống của người dân. Năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam được xếp hạng trong số 52 nước có Chỉ số phát triển con người cao (High Human Development, theo tiêu chuẩn của UNDP - chỉ số HDI 0,700-0,800). Về

văn hóa, Việt Nam đã ngày càng nhập vào dòng chảy chung của văn hóa - văn minh nhân loại; chuẩn mực quốc tế đã trở nên phổ biến hơn trong đánh giá văn hoá - xã hội, nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam đã được công nhận là *di sản thế giới*, *di sản ký ức thế giới*; văn hóa truyền thống thực sự được tôn trọng; văn minh bên ngoài được tìm tòi tiếp thu; đời sống văn hóa của đại đa số cư dân đều có những chuyển biến theo chiều tốt lên, kể cả ở vùng sâu, vùng xa.

Các mặt khác của đời sống xã hội, tuy chưa phải đã tiến bộ tương xứng với tiềm năng, nhưng tất cả đều có những chuyển biến tích cực.

Đáng chú ý là, trong quan hệ đối ngoại, ngày 10/9/2023, hai nước Mỹ Việt chính thức nâng cấp quan hệ lên “*Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững*”. Sự kiện này không bất ngờ nhưng gây ngạc nhiên đáng kể trong bầu không khí chính trị quốc tế và cả với một số người trong nước. Ngay sau đó, ngày 27/11/2023, Nhật Bản và Việt Nam ra Tuyên bố chung nâng cấp quan hệ lên “*Đối tác Chiến lược toàn diện vì Hoà bình và Thịnh vượng tại châu Á và thế*

giới”. Rồi ngày 12/12/2023, trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Chủ tịch nước Tập Cận Bình, Trung Quốc và Việt Nam ra tuyên bố xây dựng “*Cộng đồng chia sẻ tương lai Trung Quốc - Việt Nam*”.

Ẩn giấu đằng sau quá trình thực hiện các sự kiện không kém phần phức tạp này chính là sức mạnh mềm Việt Nam. Không hề ngẫu nhiên, bước đi này của ngoại giao Việt Nam đã gây ấn tượng trong không gian địa chính trị. Sự tham dự ngày càng sâu của Việt Nam vào đời sống chính trị quốc tế trong nhiều năm gần đây, cùng với những quyết định đối ngoại mang tính đột phá năm 2023, đã khẳng định được vị thế của Việt Nam với Hoa Kỳ và các cường quốc khác trong cộng đồng thế giới.

Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa và góp phần phát triển đất nước bằng sức mạnh mềm là điều có thật.

Những năm gần đây, người nước ngoài đến Việt Nam, nhất là các nhà nghiên cứu xã hội, thường có cảm nhận khá ngạc nhiên về sức mạnh mềm Việt Nam trong đời sống tinh thần xã hội. Không chỉ ở ý chí độc lập, tinh thần dân tộc trong bảo vệ cương vực lãnh thổ, mà còn ở thái độ thoát nghèo, khát vọng phát triển, hội nhập với thế giới. Ít nơi đâu như Việt Nam, người ta có thể thấy ở mọi tầng lớp cư dân, từ người dân bình thường đến những người có trách nhiệm của chế độ, ở tất cả đều cháy bỏng khát vọng phát triển.

Thật thú vị, một nghiên cứu mới đây của Viện Economic Affairs, thuộc Đại học Bukingham, Anh về thái độ đối với người giàu ở 7 nước châu Âu và 4 nước châu Á, trong đó có Việt Nam, cho kết quả là, người Việt Nam khao khát thành công, có thái độ năng động trong kinh tế rất cao, cao hơn hầu hết

**Những năm gần đây, người nước ngoài đến Việt Nam, nhất là các nhà nghiên cứu xã hội, thường có cảm nhận khá ngạc nhiên về sức mạnh mềm Việt Nam trong đời sống tinh thần xã hội. Không chỉ ở ý chí độc lập, tinh thần dân tộc trong bảo vệ cương vực lãnh thổ, mà còn ở thái độ thoát nghèo, khát vọng phát triển, hội nhập với thế giới.**

các nước được khảo sát. Số người kỳ thị với người giàu rất thấp, chỉ 19% dân cư, nhiều hơn chút ít so với Nhật Bản (14%)<sup>2</sup>.

Sâu xa hơn, sức mạnh mềm còn là tố chất con người. Những năm đầu thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu người Việt thế hệ đầu tiên đã cùng với các nhà dân tộc học người Pháp chú ý khám phá tính cách con người Việt Nam. Những nét xấu xí, dĩ nhiên không ít. Nhưng có khá nhiều nét đẹp ưu trội đã được ghi nhận. Thông minh, khéo léo, cần cù, hiếu học, tôn trọng gia đình, cộng đồng... là những đặc trưng đã được khẳng định nhiều lần và được các nhà nghiên cứu có uy tín kiểm tra lại và xác nhận vào những năm đầu thế kỷ XXI.

Dù vẫn còn hoài nghi, nhưng những nét tích cực, ưu trội của người Việt là rất khó phủ nhận. Vấn đề chỉ còn là, thể chế hôm nay có tạo được điều kiện để mỗi người phát huy tối đa những nét tốt đẹp đó trong hoạt động của mình hay không. Thực tế chống tham nhũng, tiêu cực những năm gần đây cho thấy, đôi khi sự thông minh sáng tạo lại song hành với những mục tiêu không lành mạnh, trở thành thói

khôn vặt, vụ lợi, tìm đến những kẽ hở của luật pháp, cơ chế.

Việt Nam có bề dày văn hóa truyền thống hàng nghìn năm. Ngày nay, điều được thừa nhận này có ý nghĩa quy định sự phát triển tiếp theo của đất nước. Quán tính lịch sử, khuôn mẫu văn hóa, bản lĩnh dân tộc, thói quen tư duy, cách thức phát triển, phương thức ứng xử,... với tất cả thế mạnh và những hạn chế của nó, chắc chắn sẽ là một phần của hiện tại và ảnh hưởng đến tương lai. Điều đáng suy ngẫm là, những hạn chế thuộc về tập quán văn hóa sẽ rất khó loại bỏ hoặc vượt qua, trong khi đó, những thế mạnh của truyền thống đầy tiềm năng, lại không dễ phát huy tác dụng.

Nếu sức mạnh mềm là hành trang có thật, thì việc giải phóng, phát huy sao cho đúng chiều, đúng xu thế tiến bộ của văn minh nhân loại, để Việt Nam không bỏ lỡ cơ hội phát triển lại là thách thức đối với mỗi người, nhất là những người có trọng trách, trong giai đoạn hiện nay.

Theo kế hoạch, đến năm 2030 đất nước sẽ đạt mức thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 Việt Nam sẽ là nước phát triển có thu nhập cao. Để

đạt được mục tiêu kỳ vọng đó, Việt Nam vẫn còn phải cầu thị học hỏi rất nhiều, để sử dụng được sức mạnh mềm tiềm ẩn của mình.

Các nước bứt phá và thành công đều là những nước biết sử dụng thông minh sức mạnh mềm quốc gia.

Chính sách xã hội nhất quán theo đuổi các mục tiêu vì con người, vì hạnh phúc cộng đồng; đặc biệt ưu tiên lợi ích công và phúc lợi xã hội - là những phương thức sử dụng sức mạnh mềm đã được nhiều quốc gia như Na Uy, Phần Lan, Hàn Quốc, Singapore... sử dụng thành công.

Văn hóa chính trường biết tôn trọng “bàn tay vô hình của thị trường”, coi trọng tự do kinh tế - xã hội, nhưng vẫn sẵn sàng điều chỉnh vĩ mô và can thiệp kịp thời để nền kinh tế thực hiện được các mục tiêu xã hội - là những phương thức sử dụng sức mạnh mềm đã được các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Singapore,... sử dụng thành công.

Giáo dục được đặc biệt ưu tiên, không ai bị mất cơ hội học tập, nguồn nhân lực được đào tạo đón đầu mục tiêu phát triển; có bộ máy pháp lý mạnh và nghiêm và có hệ thống an sinh xã hội rộng, phong phú và hữu

hiệu - là những phương thức sử dụng sức mạnh mềm đã được nhiều quốc gia như Phần Lan, Na Uy, Đức, Nhật Bản... sử dụng thành công.

Một đội ngũ công chức chuyên nghiệp; những người bình thường và những người có địa vị xã hội đều cảm thấy dễ chịu như nhau, hạnh phúc như nhau, khi tiếp cận các dịch vụ xã hội - là những phương thức sử dụng sức mạnh mềm đã được Slovenia, Đức, Czech, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản,... sử dụng thành công.

Tôn trọng văn hoá truyền thống, giữ gìn nét đẹp bản sắc, nhưng sẵn sàng thích nghi, tiếp thu các giá trị mới của văn minh nhân loại, kể cả các hình thức công nghiệp văn hoá khác lạ - là những phương thức sử dụng sức mạnh mềm đã được các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Pháp, Hà Lan,... sử dụng thành công.

Trong so sánh với các dân tộc - quốc gia xung quanh và xa hơn ở bên ngoài, Việt Nam xưa nay luôn được đánh giá tích cực ở nhân tố văn hóa. Chính ông Lý Quang Diệu đã từng nhận xét: “Người Việt Nam là một trong những dân tộc nghị lực và có khả năng nhất Đông Nam Á. Sinh



viên của họ đến Singapore theo diện học bổng ASEAN rất nghiêm túc với việc học hành và thường có điểm số cao nhất”<sup>3</sup>.

Về phương diện địa - chính trị, trong thế kỷ XXI Việt Nam vẫn là quốc gia có vị thế rất đặc biệt trên bàn cờ chính trị thế giới, là nhân tố có ý nghĩa chi phối trật tự địa - chính trị. Điều này đã được Zbigniew Brezinski, Samuel Huntington dự báo từ rất sớm<sup>4</sup>.

Vấn đề có liên quan mật thiết đến việc giải phóng và phát huy sức mạnh mềm là ở chỗ, đằng sau sức mạnh của các triều đại, bao giờ cũng là sức mạnh của dân. Không phải mọi triều đại đều đạt tới trình độ cao về tính chính đáng (Legitimacy, theo tiêu chuẩn mà John Locke đề ra cho phương Tây), nhưng ở mọi triều đại, sức dân đều là một đại lượng đủ vững mạnh tạo nên sức sống trường tồn của dân tộc.

Về vấn đề này, Chí sĩ Phan Bội Châu, lãnh tụ của phong trào Đông Du những năm đầu thế kỉ XX đã viết trong *Việt Nam quốc sử khảo*: “Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một

nước. Trong ba cái đó thì dân là quan trọng nhất. Không có dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập; dân còn thì nước còn; dân mất thì nước mất. Muốn biết dân còn mất thế nào thì xem cái quyền của dân còn mất thế nào. Dân quyền mà được đề cao thì dân được tôn trọng, mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ, thì dân bị coi khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất mà nước cũng mất. Dân mất tức là có dân cũng như không có dân vậy”<sup>5</sup>. Cụ Phan Bội Châu viết *Việt Nam quốc sử khảo* với mục đích thức tỉnh thanh niên Việt Nam về tinh thần yêu nước, ý chí dân tộc. Với cụ, sự tồn tại của nước, của dân trong một nước trực tiếp gắn với dân quyền. Dân quyền bị xem nhẹ, bị coi khinh thì có dân, có nước cũng như không vậy.

Quan điểm của cụ Phan, ngay sau đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu và sử dụng thành công. Năm 1945, sau Cách mạng tháng Tám, trên báo *Cứu quốc* số 65 ra ngày 12/10/1945, Bác Hồ viết: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Hết

thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được đặc biệt chú ý. Muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy”<sup>6</sup>.

*Yêu dân, đặt quyền lợi của dân trên hết thảy* - Lời dạy của Bác Hồ ngay từ những ngày đầu lập nước, có giá trị sức mạnh mẽ to lớn. Không chỉ là một giải pháp chính trị, mà tư tưởng này của Người còn là một giá trị sức mạnh mẽ đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Trong nền chính trị

hiện đại, ít thấy ai nói “yêu dân”. Ý nghĩa sức mạnh mẽ của tư tưởng này là ở thái độ đối với dân - yêu dân, mưu cầu quyền lợi cho dân - chứ *dân* không đơn thuần là đối tượng thụ động của hoạt động chính trị.

Tư tưởng vĩ đại, sâu sắc và thấm đẫm tinh thần nhân đạo này của Hồ Chí Minh, đương nhiên, rất cần thiết phải được nhấn mạnh và phổ biến nhiều hơn nữa trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hôm nay.

Đó là một trong những “sức mạnh mẽ” Việt Nam ■

---

<sup>1</sup> Joseph Nye: *Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh là điểm tựa của Việt Nam*, <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-01-12>.

<sup>2</sup> Xem: Rainer Zitelmann: *Attitudes towards the rich in China, Japan, South Korea, and Vietnam*, Economic Affairs, No. 42, <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1111/ecaf.12524>, 2022.

<sup>3</sup> Lý Quang Diệu viết về Đông Nam Á và Việt Nam, <http://nghiencuuquocte.net/2014/01/14/ly-quang-dieu-ve-dna-va-vn/sthash.P5B8ZrlQ.dpuf>

<sup>4</sup> Xem: Huntington, Samuel P: *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Lao động, 2005; Zbigniew Brzezinski: *Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX*, Viện Thông tin KHXH xuất bản, 1992.

<sup>5</sup> Phan Bội Châu: *Toàn tập*, t.2. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.386.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.51.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

● PGS, TS ĐOÀN XUÂN THỦY

## 1. Về kinh tế thị trường và một số mô hình kinh tế thị trường hiện nay trên thế giới

Kinh tế thị trường là trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hóa, ban đầu được hình thành trong lịch sử nhân loại dưới mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, đã trở thành nhân tố thúc đẩy kinh tế phát triển vô cùng nhanh chóng. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, kinh tế thị trường không những hoạt động dưới tác động của các quy luật khách quan mà còn được không ngừng mở rộng phạm vi ảnh hưởng từ quốc gia dân tộc ra khu vực, quốc tế và hoàn thiện. Việc ứng dụng kinh tế thị trường tại các quốc gia dân tộc và châu lục khác nhau diễn ra không

đồng đều và không hoàn toàn giống nhau. Mặc dù, kinh tế thị trường cùng được phát triển và hoàn thiện ở nhiều quốc gia, song cho đến nay, việc giải quyết các mâu thuẫn của kinh tế thị trường lại có những trọng tâm, trọng điểm khác nhau, từ đó, kinh tế thị trường với tư cách là mô hình kinh tế chung của nhiều nước trong sự phân biệt với kinh tế tự cung tự cấp, kinh tế hiện vật, trong quá trình phát triển và hoàn thiện đã được phân nhánh thành nhiều mô hình đặc thù như kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, Anh (hay còn gọi là mô hình thể chế kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, Anh); mô hình kinh tế thị trường cộng đồng ở Nhật Bản; mô hình kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hòa Liên bang Đức, mô



*Việt Nam kiên định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*  
\_ Ảnh: redsvn.net

hình kinh tế thị trường ở Pháp; mô hình kinh tế thị trường của Thụy Điển; mô hình kinh tế thị trường ở Hàn Quốc; mô hình kinh tế thị trường ở Trung Quốc...

Mô hình kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, Anh có đặc điểm là dựa chủ yếu vào sở hữu và kinh doanh tư nhân, nhà nước can thiệp tối thiểu vào nền kinh tế nhưng đồng thời có hiệu quả; các hoạt động kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp được nhà nước và cộng đồng chấp thuận và ủng

hộ rộng rãi; mức độ phân phối lại GDP thông qua nhà nước ngân sách không cao (thường ở mức dưới 17-18% thông qua liên bang và khoảng 30% thông qua ngân sách tổng hợp); tỷ trọng đóng góp của nhà nước vào GDP thấp (khoảng 12%); tài sản nhà nước chủ yếu được sử dụng để phát triển giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng công nghiệp và năng lượng hạt nhân.

Mô hình kinh tế thị trường cộng đồng ở Nhật Bản chú trọng khuyến khích người lao động làm việc chăm

chỉ, chuyên nghiệp và cống hiến cho công ty trọn đời; nhà nước nỗ lực cung cấp các dịch vụ chất lượng cao cho người dân; nhân viên tham gia rộng rãi vào các hoạt động quản lý và ra quyết định của công ty; chính sách của nhà nước chú trọng định hướng xã hội; nhà nước có vị trí, vai trò tích cực trong chuyển đổi và quản lý nền kinh tế.

Trong mô hình kinh tế thị trường xã hội ở Đức, khu vực công có vai trò quan trọng trong việc thực hiện quy định về một số lĩnh vực hoạt động của các tổ chức kinh tế; nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội, thiết lập những đảm bảo xã hội quan trọng cho mọi thành viên trong xã hội; trọng tâm của chính sách kinh tế là duy trì cạnh tranh tự do, giảm độc quyền, chú trọng tạo lập các đơn vị sản xuất kinh doanh mới; thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp; tỷ trọng ngân sách nhà nước lớn trong GDP; quản lý nền kinh tế chủ yếu dựa vào chính sách tiền tệ so với chính sách tài khóa.

Mô hình kinh tế thị trường của Pháp chú trọng ưu tiên sở hữu tư nhân và sáng kiến kinh doanh tư nhân; các hiệp hội sản xuất lớn hiện có trên thị

trường thực hiện vai trò kiểm soát sự di chuyển của các nguồn vốn; nhà nước đóng vai trò tích cực với tư cách là một chủ thể kinh tế; định hướng xã hội của nền kinh tế là định hướng chủ yếu của chính sách nhà nước.

Mô hình kinh tế thị trường của Thụy Điển có mức thất nghiệp thấp; Công đoàn có vai trò rất lớn trong tổ chức đàm phán tập trung về tiền lương và điều chỉnh quan hệ lao động; khu vực công đóng vai trò lớn, chiếm ưu thế trong hệ thống hạ tầng xã hội; gánh nặng thuế cao, ngân sách nhà nước chiếm trên 50% GDP, trong đó chi tiêu xã hội chiếm ưu thế; chính sách xã hội của nhà nước bao gồm các biện pháp nhằm giảm thiểu mức độ phân biệt dân cư theo mức thu nhập.

Mô hình kinh tế thị trường của Hàn Quốc có trọng tâm là chính sách ngoại thương nhằm tăng khối lượng xuất khẩu; sự can thiệp nghiêm túc của chính phủ vào nền kinh tế, đồng thời duy trì cơ chế thị trường; chính sách đổi mới là định hướng chủ yếu của lợi ích nhà nước; hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tốc độ đô thị hóa cao.

Mô hình kinh tế thị trường của Trung Quốc có khu vực công chiếm ưu thế (khoảng 60%); Nhà nước khuyến khích hình thành và tăng cường doanh nghiệp tư nhân; Nhà nước thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động kinh doanh và nền kinh tế; định hướng ưu tiên của chính sách kinh tế là xuất khẩu, đồng thời không ngừng tăng cường và củng cố thị trường nội địa, mở rộng tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trong nước; định hướng xã hội và hỗ trợ người nghèo.

Như vậy, mặc dù có những khác biệt do mỗi mô hình được hình thành dưới tác động của trình độ, tính chất của cơ sở vật chất - kỹ thuật, điều kiện lịch sử địa chính trị hình thành cơ cấu xã hội, dân tộc, đặc điểm văn hóa xã hội của đất nước, sự ảnh hưởng của một số lực lượng chính trị - xã hội nhất định..., hầu hết các mô hình kinh tế thị trường trên thế giới hiện nay đều có những đặc điểm chung như định hướng xã hội của phát triển kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và cạnh tranh tự do, vai trò tích cực của nhà nước trong nền kinh tế (trừ Mỹ, Anh), tỷ lệ thất nghiệp thấp và mức phúc lợi cao của người dân<sup>1</sup>.

## **2. Về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội ở Việt Nam**

Nghiên cứu kinh điển Mác - Lênin cho thấy, trong thực tế việc chủ nghĩa tư bản sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện phát triển đã dẫn tới sự hình thành và phát triển của mô hình kinh tế thị trường nói chung cũng như mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với những phiên bản khác nhau nói riêng. Tuy nhiên, trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, ban đầu tại nước Nga xô viết sau Cách mạng Tháng Mười, do bối cảnh lịch sử đặc biệt, chính quyền xô viết đã áp dụng chính sách Cộng sản thời chiến và kết quả bước đầu của những thắng lợi đạt được cùng những thành công trong củng cố, bảo vệ chế độ xô viết trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã tạo cơ sở cho sự nhận thức chưa đầy đủ về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung, phi thị trường tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây. Việc đối lập chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực tiễn đã trở thành nguyên nhân quan trọng

làm sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực kiểu xô viết.

Sự đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã tạo thuận lợi về chính trị và thể chế cho kinh tế thị trường hình thành và không ngừng phát triển, hoàn thiện ở Việt Nam nhằm phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngay từ Đại hội VI của Đảng đã từng bước đổi mới tư duy về sự cần thiết khách quan phải “sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ”<sup>2</sup>, từ đó “đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng”<sup>3</sup> xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường và sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sau 15 năm

đổi mới, Đại hội IX lần đầu tiên chính thức nêu ra và qua 35 năm đổi mới, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”<sup>4</sup>.

**Sự đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã tạo thuận lợi về chính trị và thể chế cho kinh tế thị trường hình thành và không ngừng phát triển, hoàn thiện ở Việt Nam nhằm phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.**

Tổng kết 35 năm đổi mới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc

trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>5</sup>.

Tổng Bí thư cũng nhấn mạnh: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ)”<sup>6</sup>.

Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế thị trường được Đảng và nhân dân ta lựa chọn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là mô hình kinh tế thị trường đặc thù trong sự phân biệt với mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa nói chung và từng phiên bản của mô hình đó nói riêng.

Với tư cách là mô hình kinh tế thị trường đặc thù của Việt Nam trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, mô hình kinh tế



thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa mang những đặc trưng chung của kinh tế thị trường, vừa hàm chứa những đặc thù riêng trong từng đặc trưng. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, có thể xác định một số đặc trưng cơ bản như sau:

*Thứ nhất*, về mục tiêu, trước hết kinh tế thị trường hướng tới phát triển nhanh về kinh tế dựa trên hoạt động của các quy luật thị trường. Trong chủ nghĩa tư bản, việc sử dụng kinh tế thị trường ngay từ thời C.Mác đã cho kết quả phát triển lực lượng sản xuất vô cùng to lớn và nhanh chóng, chỉ trong thời gian không đầy một thế kỷ chủ nghĩa tư bản đã tạo ra lực lượng sản xuất không lồ mà có thể so sánh với thành quả tích lũy của toàn bộ nhân loại trước đó đã đạt được<sup>7</sup>. Tuy nhiên, phát triển lực lượng sản xuất của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là “lấy lợi nhuận làm mục tiêu

tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội”<sup>8</sup> cuối cùng là để phục vụ lợi ích của các nhà tư bản là chủ yếu, từ đó những mâu thuẫn của kinh tế thị trường đã phát triển dưới những hình thức gay gắt, nóng bỏng không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội, môi trường và chính trị, thậm chí đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, đặc thù về mục tiêu của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>9</sup>.

*Thứ hai*, về chế độ kinh tế, mặc dù cùng có nhiều hình thức sở hữu, loại hình kinh doanh, nhưng nếu trong chủ nghĩa tư bản, kinh tế tư bản tư nhân chiếm vị thế, vai trò thống trị, quyết định, thì trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định là có

**Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế thị trường được Đảng và nhân dân ta lựa chọn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là mô hình kinh tế thị trường đặc thù trong sự phân biệt mới mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa nói chung và từng phiên bản của mô hình đó nói riêng.**

nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Về cơ chế vận hành mặc dù các mô hình kinh tế thị trường hiện đại đều có tính hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, song trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Về chế độ phân phối, mặc dù đều có nhiều hình thức phân phối đa dạng, song trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Do đó Tổng Bí thư đã nhấn mạnh: “Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội;

mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa<sup>10</sup>.

Thực tiễn thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua 40 năm đổi mới đã mang lại những kết quả vô cùng to lớn: kinh tế phát triển khá nhanh, lực lượng sản xuất được tăng cường; Việt Nam từ nước thu nhập thấp trở thành nước thu nhập trung bình; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục khắc phục: “Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức

cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập... Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên<sup>11</sup>.

Từ những kết quả đạt được và nhận diện những hạn chế trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và giải quyết: (1) Tiêu chí cụ thể của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với tư cách là kinh tế thị trường hiện đại; (2) Hệ thống các quy luật của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; (3) Vị trí, vai

trò của từng thành phần kinh tế và mối quan hệ giữa chúng; (4) Cơ chế vận hành của nền kinh tế với vị trí vai trò của từng chủ thể trong mối quan hệ Nhà nước, Thị trường - Xã hội; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ...; (5) Thực hiện

chế độ phân phối vừa đảm bảo các yêu cầu của quy luật thị trường, vừa đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa; (6) Nội dung và tiêu chí đánh giá giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế... ■

---

<sup>1</sup> Xem: Положенцева Юлия Сергеевна, Антопольский Алексей Константинович (2020), Сравнительный анализ моделей рыночной экономики в условиях трансформационных преобразований. Текст научной статьи по специальности “Экономика и бизнес”, <https://cyberleninka.ru/article/n/sravnitelnyy-analiz-modeley-rynochnoy-ekonomiki-v-usloviyah-transformatsionnyh-preobrazovaniy>.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.347.

<sup>3</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.347.

<sup>4</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.60, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.132; ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.128.

<sup>5, 6, 8, 10, 11</sup> Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.24, 25-26, 20, 26-27, 34.

<sup>7</sup> Xem: C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.603.

<sup>9</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.128.

# DỰ BÁO THỜI CƠ, THÁCH THỨC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

## 1.1. Thời cơ, thách thức từ bối cảnh quốc tế

Thứ nhất, địa chính trị thế giới có nhiều thay đổi, tương lai tiềm ẩn nhiều rủi ro. Một thế giới đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn do tương quan lực lượng, sức mạnh của các nước lớn có sự thay đổi nhanh chóng, sau Mỹ một số quốc gia như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU, Ấn Độ nổi lên ngày càng rõ nét. Căng thẳng địa chính trị tại khu vực châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái Bình Dương sẽ gia tăng thông qua cạnh tranh giữa Mỹ - Nga và Mỹ - Trung Quốc. Quan hệ Nga - Trung Quốc sẽ được thắt chặt theo hướng Nga gắn

kết chặt chẽ hơn với Trung Quốc. Cạnh tranh Mỹ - Trung vẫn tiếp tục căng thẳng tại nhiều khu vực, nhất là khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh tương lai, vai trò của Ấn Độ tại châu Á, khu vực chiến lược Ấn Độ Dương và vai trò của Thổ Nhĩ Kỳ tại châu Âu sẽ được Mỹ, Nga chú ý nhiều hơn để tranh thủ sự ủng hộ. Xung đột Nga - Ucraina vẫn căng thẳng, khiến quá trình toàn cầu hóa chậm lại, vai trò của các tổ chức toàn cầu bị suy giảm, trong khi xu thế khu vực hóa xen lẫn liên kết giữa các quốc gia dựa trên giá trị chung đang tăng lên.

Thứ hai, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với sự phân mảnh



*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao*  
— Ảnh: tapchitaichinh.vn

trong không gian kinh tế thế giới. Hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đa chiều, các quan hệ song phương, đa phương đan xen nhau; nhưng sẽ đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn hơn. Các nền kinh tế liên kết đa tầng bậc, xu hướng gắn kết nội khu vực và vùng lãnh thổ chặt chẽ hơn với những nội dung hợp tác cụ thể, cơ chế quan hệ sâu sắc hơn. Cạnh tranh chiến lược về địa kinh tế giữa các nước lớn diễn biến phức tạp, ngày càng gay gắt hơn khiến không gian

kinh tế toàn cầu phân mảnh thành các “vùng ảnh hưởng” lấy các nền kinh tế lớn làm trung tâm (chiến lược “Vành đai, Con đường”, chiến lược IPEF,...). Các biện pháp trừng phạt lẫn nhau của Nga – Mỹ/phương Tây đã làm dịch chuyển, vẽ lại bản đồ kinh tế toàn cầu, trong đó có bản đồ năng lượng, bản đồ dòng vốn đầu tư, thanh toán quốc tế, chuỗi cung ứng nguyên vật liệu, vận tải. Trong bối cảnh đó, khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là trung tâm của các liên kết kinh tế

mới, trọng điểm của cạnh tranh nước lớn và nơi tập trung nhiều điểm nóng an ninh phức tạp hàng đầu của thế giới. Tuyên bố chung về nâng tầm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện cũng sẽ đem lại thuận lợi trong việc mở cửa thị trường hơn nữa cho hàng hóa, dịch vụ mỗi nước, hỗ trợ chính sách thương mại, kinh tế và các biện pháp theo quy định để đạt được mục tiêu trên; cùng nhau giải quyết các vấn đề như rào cản tiếp cận thị trường thông qua Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư.

*Thứ ba, thương mại, đầu tư xuyên thống gặp khó khăn, các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên không gian số phát triển mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới có chiều hướng chậm lại; thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm. Các hoạt động thương mại, đầu tư xuyên thống gặp nhiều trở ngại do những quy định pháp lý các nước ngày một nâng cao. Xu hướng dịch chuyển đầu tư diễn ra mạnh hơn, đặc biệt là làn sóng đầu tư rời khỏi Trung Quốc. Các liên kết kinh tế quốc tế dựa trên nhiều quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về*

*kết nối số, kinh tế số, chuyển đổi số được xây dựng, trong đó trọng tâm là tự do hóa thương mại số, quản trị lưu chuyển dữ liệu, tiêu chuẩn công nghệ số. Nhiều nước có xu hướng chuyển dần sang phát triển công nghiệp nhằm duy trì và bảo hộ kinh tế, nền sản xuất trong nước. Mặc dù vậy, hội nhập quốc tế thông qua FTA, các sáng kiến, cơ chế liên kết kinh tế khu vực và liên khu vực vẫn là chủ đạo, ưu tiên của nhiều nước, tạo ra cơ hội cho các nước vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam.*

*Thứ tư, sản xuất chuyển dịch mạnh sang thâm dụng tri thức, thông minh hóa, trong đó động lực phát triển quan trọng nhất là đổi mới sáng tạo. Nguồn lực của thế giới tiếp tục dịch chuyển mạnh hơn đến những quốc gia, vùng lãnh thổ mới nổi, đặc biệt là các quốc gia nằm giữa 3 trung tâm công nghệ hàng đầu là Bắc Mỹ, Tây Âu và Đông Bắc Á. Các nước phát triển có thể tăng cường phong tỏa, bảo vệ công nghệ nguồn, công nghệ lõi. Các hoạt động công nghiệp giá trị gia tăng cao, thương mại linh hoạt và dịch vụ chất lượng cao thâm dụng tri thức ngày càng tăng lên, thu hút nhiều lao động*

sáng tạo. Các mô hình kinh tế thâm dụng tài nguyên, lao động, vốn dần bị loại bỏ do hiệu quả thấp và lãng phí. Mạng lưới sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu được tổ chức, sắp xếp và cơ cấu lại theo hướng giảm thiểu rủi ro đứt gãy, gián đoạn, giảm tập trung vào một hay một số ít nước, đưa sản xuất về thị trường gần hoặc về chính quốc. Quá trình dịch chuyển các chuỗi cung ứng, sản xuất và dòng đầu tư tiếp tục được đẩy nhanh, làm hình thành các liên kết, hợp tác kinh tế mới quy mô khu vực và liên khu vực, trước hết là châu Á-Thái Bình Dương, nơi cạnh tranh Mỹ Trung diễn ra quyết liệt.

*Thứ năm, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu và công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục làm thay đổi sâu sắc lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển công nghiệp bền vững và bao trùm là động lực chính dẫn dắt xu thế phát triển kinh tế thế giới. Quan hệ, tổ chức sản xuất đang thay đổi mạnh mẽ, theo đó lao động trí tuệ sáng tạo, tương tác gián tiếp, sản*

*xuất linh hoạt, “ cá biệt hóa” là chủ yếu, trong khi giảm mạnh lao động cơ bắp, giao tiếp trực tiếp, sản xuất dây chuyền khối lượng lớn đại trà theo tiêu chuẩn,... Lao động trí tuệ sáng tạo phát triển mạnh về số lượng và tầm quan trọng; xu hướng “tri thức hóa” lao động được đẩy mạnh. Tuy nhiên, xu hướng chuyển đổi số, tự động hóa có thể làm gia tăng khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển; làm giảm lợi thế của các nước đang phát triển về chi phí lao động thấp; các doanh nghiệp đa quốc gia, nhà đầu tư có nguy cơ rời các nước đang phát triển.*

*Thứ sáu, biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra khó lường và cạnh tranh tài nguyên thiên nhiên ngày càng gay gắt. Các nước lớn ngày càng can thiệp sâu, trực tiếp vào hoạt động giao thương trên thị trường vật liệu thế giới, cùng với đó các quốc gia phát triển xây dựng và thực hiện chiến lược bảo tồn tài nguyên đẩy mạnh nền kinh tế tuần hoàn. Các quốc gia trên thế giới cũng thường xuyên điều chỉnh chính sách khai thác tài nguyên vật liệu thô trong nước, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xuất nhập khẩu, xem xét hiệu*



quả sử dụng tài nguyên, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực với môi trường và thúc đẩy công nghiệp tái chế phế liệu thu hồi vật liệu. Xu hướng chuyển đổi xanh, phát triển các ngành công nghiệp các-bon thấp. Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đang trở thành ưu tiên hàng đầu của nhiều quốc gia và trong chương trình nghị sự của các diễn đàn kinh tế quốc tế lớn với những hành động mạnh mẽ, quyết liệt.

*Thứ bảy, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ là vấn đề cấp bách, mà còn là vấn đề thường xuyên, lâu dài, liên quan tới toàn nhân loại.* Các thách thức an ninh phi truyền thống, điển hình là vấn đề biến đổi khí hậu, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, dịch bệnh, cạn kiệt nguồn tài nguyên, nhu cầu năng lượng tăng cao... diễn biến phức tạp khó lường với mức độ ngày càng tăng đe dọa an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh không gian mạng,... tạo ra rủi ro trong quá trình thay đổi chính sách, công nghệ cần thiết để CNH, HĐH theo hướng phát triển bền vững, phát triển xanh

đặt trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh. Nguy cơ dịch bệnh vẫn còn thường trực, tiềm ẩn rất lớn, xảy ra nghiêm trọng,... mà còn là một trong những đe dọa an ninh quốc gia. Những thách thức này thường lan tỏa rất nhanh qua nhiều quốc gia và để lại những hậu quả lâu dài, nhiều rủi ro bất ổn, bất định và khó dự báo hơn, đòi hỏi phải tiếp cận toàn diện, tổng thể đến vấn đề an ninh quốc gia, đặc biệt là an ninh kinh tế và an ninh dữ liệu.

### **1.2. Thời cơ, thách thức từ bối cảnh trong nước**

*Thứ nhất,* Đảng, Nhà nước đặt mục tiêu cao đối với phát triển kinh tế- xã hội đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tạo áp lực và động lực phải thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi sang thực hiện mô hình CNH, HĐH dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, gắn CNH, HĐH với quá trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng đặt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, trong đó có các mục tiêu về CNH,

HDH đất nước: Đến năm 2030, nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, đồng thời đặt ra nhiệm vụ “CNH, HDH phải dựa trên nền tảng KHCCN và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực.

*Thứ hai*, chính trị ổn định, vị thế quốc gia được nâng lên, kinh tế duy trì phát triển ở mức cao tạo nền tảng vững chắc cho CNH, HDH. Sau hơn 35 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng lên tạo tiền đề quan trọng cho phát triển của đất nước trong giai đoạn tiếp theo. Thế và lực của đất nước được nâng lên gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

thời gian qua đã tạo tiền đề hết sức cơ bản để đất nước chuyển sang giai đoạn phát triển nhanh, bền vững. Đất nước tiếp tục hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn, đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Khu vực tư nhân tiếp tục đóng góp ngày càng lớn và trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, các yếu tố nền tảng (thể chế, hạ tầng, KHCCN, nguồn nhân lực...) để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại còn khá xa so với yêu cầu. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và

tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn còn hiện hữu. Sự chuyển dịch nguồn lực sang khu vực sản xuất không làm tăng năng suất tổng thể. Quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra nhanh, là động lực cho tăng trưởng, phát triển, nhưng đang chịu sức ép lớn về nhu

**Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng đặt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, trong đó có các mục tiêu về CNH, HDH đất nước: Đến năm 2030, nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.**

cầu phát triển hạ tầng KT-XH. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; việc phân bổ nguồn lực có lúc, có nơi chưa thật tập trung cho những lĩnh vực, ngành mũi nhọn; khả năng ứng phó trước các cú sốc từ bên ngoài của nền kinh tế còn hạn chế. Nền kinh tế còn phụ thuộc lớn vào một số thị trường bên ngoài và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba*, Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng, tầng lớp trung lưu tăng lên nhanh, đô thị hóa và phát triển đô thị diễn ra mạnh mẽ. Các yếu tố nguồn lực nêu trên sẽ tạo ra thế và lực mạnh mẽ cho thực hiện CNH, HĐH.

*Thứ tư*, các ngành công nghiệp công nghệ cao, hoạt động dịch vụ số và nông nghiệp hiện đại phát triển nhanh, đồng bộ, ổn định trở thành nguồn lực vững chắc cho CNH, HĐH đất nước trong thời gian tới. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quan tâm đầu tư phát triển mạnh hơn; khu vực doanh nghiệp sản xuất chủ động hơn trong tiếp cận với KH&CN hiện đại. Thế giới đang trong cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư, các quốc gia trên thế giới đang tiến hành thúc đẩy chuyển đổi số, Việt Nam không đứng ngoài xu thế đó, việc tiến hành tốt chuyển đổi số sẽ giúp Việt Nam chủ động trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hướng tới quốc gia thông minh. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang tạo ra những cơ hội lớn cho Việt Nam điều chỉnh, tái cơ cấu nền kinh tế và trở thành một trong những trung tâm sản xuất mới của thế giới. Các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ đang đẩy nhanh hoạt động chuyển đổi số và tự động hóa, đây là một trong những xu hướng chính đang tạo ra những thay đổi có tính bước ngoặt trong quy trình sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ tại Việt Nam. Nhiều công nghệ số như Internet vạn vật (IoT), công nghệ đám mây, tự động hóa và robot, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và công nghệ chuỗi khối,... đã và đang tác động lớn đến các phương thức, cách thức tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc làm giảm đáng kể chi phí giao dịch, tăng khả năng khai thác tính kinh tế quy mô, cho phép

tùy chỉnh các sản phẩm và dịch vụ và giảm nhu cầu lao động trực tiếp,...

*Thứ năm*, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia đi vào thực hiện tạo vừa tạo ra cơ hội vừa tạo áp lực lớn đối với quá trình CNH, HĐH. Việc mở rộng và tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp ước CPTPP, FTA,... tạo thêm các cơ hội mới để tranh thủ được các nguồn lực và động lực cho CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác, phát triển thiết thực, hạn chế ràng buộc vào các cơ chế đa phương phức tạp và đang bế tắc hoặc lệ thuộc quá mức vào một số ít các đối tác. Đây là lợi thế Việt Nam có được so với các nền kinh tế khác trong khu vực. Nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục phụ thuộc nhiều vào FDI; kinh tế công nghiệp phát triển chưa bền vững, sản xuất của Việt Nam đang ở khâu thấp nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu, chủ yếu vẫn là gia công, chưa làm chủ được công nghệ lõi, công nghệ chủ chốt. Trong giai đoạn tiếp theo, CNH, HĐH của Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục thu hút vốn FDI, trong đó đã có bước chuyển quan trọng về

tư duy trong thu hút FDI, theo đó chủ động thu hút FDI có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; thúc đẩy kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước...

*Thứ sáu*, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên gia tăng áp lực đối với quá trình CNH, HĐH của Việt Nam. Xu hướng phát triển xanh hóa các ngành sản xuất, giảm thiểu phát thải các-bon, phát triển các ngành sản xuất thân thiện với môi trường được nhiều doanh nghiệp thực hiện để Việt Nam thực hiện “đi tắt, đón đầu”, bắt nhịp với đà phát triển toàn cầu, thông qua tập trung khai thác các lợi thế cạnh tranh mới đến từ các ngành nghề, lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo, xe điện... Xu hướng trên cũng là thời cơ để Việt Nam thu hút các nguồn tài chính xanh từ thị trường tài chính toàn cầu và các cơ quan, tổ chức, quỹ đầu tư quốc tế, hiện đang phát triển mạnh mẽ do nhận được sự quan tâm, cam kết tại các diễn đàn quốc tế lớn.

*Thứ bảy*, các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng tác động

mạnh, nhiều mặt. Trong giai đoạn tới đây, quốc phòng - an ninh tiềm ẩn nhiều phức tạp và đa dạng hơn, các vấn đề về chủ quyền lãnh thổ, kinh tế, an ninh mạng, tài chính, năng lượng, lương thực, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm xâm phạm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nổi lên phức tạp. Trong đó, đặc biệt nguy hại, khó lường là tội phạm công nghệ cao.

### ***1.3. Một số kiến nghị giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế***

*Một là*, nâng cao nhận thức về CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; bám sát các đột phá chiến lược về hạ tầng, thể chế, và nguồn nhân lực; thống nhất xác định các nội dung cốt lõi, cụ thể của CNH, HĐH trong giai đoạn mới, tập trung theo hướng: (i) phát triển các ngành theo hướng nâng cấp chuỗi giá trị, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất, đổi mới sáng tạo; (ii) hình thành được

một cơ cấu kinh tế hiện đại, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số; (iii) nâng cao năng lực tự chủ, nhất là tiến tới năng lực làm chủ tiến bộ khoa học, công nghệ; (iv) nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp, năng động.

*Hai là*, tập trung hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật tháo gỡ rào cản, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, CNH, HĐH, đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào tăng năng suất, nâng cao sức chống chịu và năng lực tự chủ. Khẩn trương rà soát, chỉnh sửa, bổ sung những quy định chưa phù hợp, gây cản trở quá trình cơ cấu lại nền kinh tế như các quy định, luật pháp về đất đai, xây dựng, quản trị DN, quản lý các ĐVSNCL, cung ứng dịch vụ công, v.v.. Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung hệ thống các luật nhằm khai thác tốt hơn các cơ hội, tạo động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu theo hướng số hóa, xanh hóa, đổi mới sáng tạo như sửa đổi Luật NSNN, Luật Các Tổ chức tín dụng, các luật thuế và ban hành các luật mới như Luật Phát triển công nghiệp trọng điểm, Luật Năng lượng tái tạo,

Luật Công nghiệp công nghệ số.

*Ba là*, thúc đẩy chuyển dịch các ngành theo hướng hiện đại, phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,...), phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, các ngành kinh tế mới (như công nghệ bán dẫn và phát triển các nguồn năng lượng mới như hydrogen xanh), phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao. Thực hiện có hiệu quả các đề án đào tạo 50-100 nghìn nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất chip bán dẫn đến năm 2025 và năm 2030, Đề án phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, trong đó dự kiến đào tạo khoảng 30-50 nghìn nhân lực, chuyên gia cho ngành công nghiệp bán dẫn. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án cơ cấu lại các ngành. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp nhằm thúc đẩy năng suất lao động đến năm 2030. Thu hút dự án đầu tư trong và ngoài nước sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu và có giá trị gia tăng cao. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

theo hướng bền vững và có lợi thế cạnh tranh; hoàn thiện thể chế thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Phát triển mạnh mẽ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

*Bốn là*, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm, củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước thúc đẩy CNH, HĐH. Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý đầu tư công theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả đầu tư và phát huy mạnh hơn vai trò đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư nhân; thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước, hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, liên kết vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, xây dựng khung pháp lý xử lý hiệu quả nợ xấu, tăng cường thể chế giám sát cẩn trọng, can thiệp sớm, xử lý ngân hàng và quản lý khủng hoảng, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo. Cơ cấu lại hệ thống các

TCTD, củng cố hệ số an toàn vốn, nâng cao năng lực quản trị. Đẩy nhanh tiến độ đổi mới quản trị DNNN theo thông lệ quốc tế tốt, hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại DNNN. Tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL, đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao hiệu quả, chất lượng, mức độ đáp ứng yêu cầu cung ứng các dịch vụ công.

*Năm là*, thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy phát triển lực lượng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong nước, phát huy vai trò trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn. Thúc đẩy liên kết với FDI, chú trọng tới các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu và có giá trị gia tăng cao. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách cải thiện, nâng cấp chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển. Tăng cường thực hiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ

pháp lý, v.v. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân và DNNN có vai trò dẫn dắt, mở đường trong một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết và xúc tiến, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thể hệ mới, các nhà đầu tư chiến lược, phát triển các ngành kinh tế mới, có công nghệ hiện đại, có kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, có kết nối, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong nước.

*Sáu là*, tập trung phát huy vai trò dẫn dắt quá trình CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của các đô thị lớn, các cực tăng trưởng, thúc đẩy tăng năng suất. Thúc đẩy cơ cấu lại không gian kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành. Tập trung xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh. Vận hành hoạt động hiệu quả các Hội đồng điều phối phát triển vùng, tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế đặc thù đối với các tỉnh, thành phố. Ban hành các cơ chế, chính sách hình thành Trung

tâm tài chính quốc tế, thúc đẩy liên kết vùng, vận hành hiệu quả Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, phát huy hiệu quả hơn vai trò của các đô thị lớn, hình thành các cực tăng trưởng, thúc đẩy tăng năng suất.

*Bây là*, phát triển đồng bộ các loại thị trường nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy CNH, HĐH. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển các loại thị trường. Xây dựng và vận hành hiệu quả các sàn giao dịch tập trung về đất đai, bất động sản, KHCN, việc làm. Phát triển thị trường vốn, nâng cao tính công khai, minh bạch, giám sát rủi ro. Tập trung phát triển thị trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu, thực hiện hiệu quả Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó triển khai thực hiện quả Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức giai đoạn 2021-2030. Phát triển thị trường khoa học công nghệ, khuyến khích hình thành

hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho KHCN; thực hiện chuyển đổi số sâu rộng trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng doanh nghiệp; thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

*Tám là*, đẩy mạnh công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, huy động hiệu quả các nguồn lực bên ngoài đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Thiết lập các khuôn khổ hợp tác với các đối tác quan trọng trong các lĩnh vực như thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển chính thức, công nghệ cao, chuyển đổi xanh, kinh tế số, phát triển hạ tầng thiết yếu, ứng phó với biến đổi khí hậu ■

## PV

*(nguồn: theo tham luận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội thảo Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nhìn lại 40 năm đổi mới trên các lĩnh vực, thời cơ, thách thức đối với việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới do Hội đồng Lý luận Trung ương và Đại học quốc gia Hà Nội phối hợp tổ chức)*